

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001 : 2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

**NGÀNH: QUẢN TRỊ KINH DOANH
LỚP QUẢN TRỊ KINH DOANH TÀI NĂNG**

**Sinh viên : Bùi Thanh Hằng
Giảng viên hướng dẫn: ThS. Nguyễn Đức Kiên**

HẢI PHÒNG - 2015

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ
VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY
TNHH ĐỨC TÀI**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: QUẢN TRỊ KINH DOANH
LỚP QUẢN TRỊ KINH DOANH TÀI NĂNG**

**Sinh viên : Bùi Thanh Hằng
Giảng viên hướng dẫn: ThS. Nguyễn Đức Kiên**

HẢI PHÒNG - 2015

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Bùi Thanh Hằng

Mã SV: 1112401033

Lớp: QTTN102

Ngành: Quản trị kinh doanh

Tên đề tài: Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Đức tài

LỜI MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Những năm gần đây, nước ta đang trên đà phát triển, nền kinh tế chuyển mình rõ rệt, những công ty lớn nhỏ được thành lập với nhiều hình thức khác nhau. Bên cạnh đó các doanh nghiệp phải đối mặt với những thử thách trong cuộc cạnh tranh để tồn tại và phát triển. Kinh doanh như thế nào để đạt được lợi nhuận cao nhất? Đó là mục tiêu số một của các doanh nghiệp.

Để có lợi nhuận cao thì điều quan trọng hàng đầu của các doanh nghiệp là phải kiểm soát các khoản doanh thu, các khoản chi phí và xác định, tính toán kết quả của các hoạt động kinh doanh, đầu tư tài chính một cách chính xác. Doanh nghiệp cần phải biết được kinh doanh mặt hàng nào? Sản xuất, kinh doanh sản phẩm nào có hiệu quả cao hay chuyển hướng sang kinh doanh, sản xuất mặt hàng khác.

Do đó kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là một khâu quan trọng trong công tác kế toán, là cơ sở để các chủ doanh nghiệp điều hành, quản lý, phân tích, đánh giá, lựa chọn các phương án kinh doanh, đầu tư có hiệu quả nhất.

Nhận thức được tầm quan trọng đó và dựa trên cơ sở kiến thức tích lũy được trong thời gian học tập ở trường cùng với các kinh nghiệm học hỏi được trong quá trình thực tập ở Công ty TNHH Đức Tài, được sự giúp đỡ tạo điều kiện của phòng kế toán. Em đã chọn nghiên cứu đề tài: “Hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Đức Tài” để làm đề tài khóa luận của mình.

2. Mục đích nghiên cứu của đề tài.

- Hệ thống hóa lý luận chung về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong các doanh nghiệp.

- Mô tả và phân tích được thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Đức Tài.

- Đề xuất một số biện pháp nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh tại công ty TNHH Đức Tài.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài.

- Đối tượng nghiên cứu: “Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Đức Tài.”

- Phạm vi nghiên cứu: Đề tài được thực hiện tại công ty TNHH Đức Tài.

4. Phương pháp nghiên cứu.

- Các phương pháp kế toán: phương pháp chứng từ, phương pháp tài khoản và phương pháp tổng hợp cân đối.

- Phương pháp nghiên cứu tài liệu.

- Phương pháp thống kê và so sánh.

5. Kết cấu của khóa luận.

Ngoài phần mở đầu và kết luận khóa luận gồm có 3 chương:

Chương 1: Lý luận chung về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong các doanh nghiệp.

Chương 2: Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Đức Tài.

Chương 3: Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Đức Tài .

CHƯƠNG 1:

LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG CÁC DOANH NGHIỆP.

1.1 Nội dung của các chỉ tiêu cơ bản liên quan đến doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh của doanh nghiệp.

- *Bán hàng*: là khâu cuối cùng trong hoạt động kinh doanh, là quá trình thực hiện giá trị của hàng hoá. Nói khác đi, bán hàng là quá trình doanh nghiệp chuyển giao hàng hoá của mình cho khách hàng và khách hàng trả tiền hay chấp nhận trả tiền cho doanh nghiệp.

- *Doanh thu*: là tổng giá trị các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu. Doanh thu của các doanh nghiệp bao gồm doanh thu bán hàng, doanh thu cung cấp dịch vụ, hoạt động tài chính và các hoạt động khác.

- *Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ*: chỉ tiêu này phản ánh số doanh thu bán hàng, thành phẩm và cung cấp dịch vụ đã trừ các khoản giảm trừ (chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán...) trong kỳ báo cáo, làm căn cứ tính kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.

- *Thời điểm ghi nhận doanh thu*: doanh thu được ghi nhận chỉ khi đảm bảo là doanh nghiệp nhận được lợi ích kinh tế từ giao dịch.

- *Hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp* bao gồm: hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động tài chính và hoạt động khác trong đó:

+ Hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp: là hoạt động sản xuất, tiêu thụ hàng hóa, sản phẩm.

+ Hoạt động tài chính: là hoạt các hoạt động đầu tư tài chính ngắn hạn hoặc dài hạn với mục đích sinh lời.

+ Hoạt động khác: là hoạt động xảy ra ngoài dự kiến của doanh nghiệp.

- *Kết quả kinh doanh của doanh nghiệp*: là kết quả hoạt động tiêu thụ sản phẩm hàng hóa, lao vụ, dịch vụ và hoạt động tài chính được biểu hiện qua chỉ tiêu lợi nhuận thuần về hoạt động kinh doanh.

1.2 Điều kiện ghi nhận doanh thu.

Theo chuẩn mực kế toán số 14 “ Doanh thu và thu nhập khác ” :

- *Doanh thu bán hàng được ghi nhận đồng thời thỏa mãn tất cả 5 điều kiện:*

- + Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- + Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- + Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- + Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- + Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

- *Doanh thu cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả 4 điều kiện:*

- + Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- + Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- + Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán.
- + Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

- *Doanh thu từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức và lợi nhuận được chi thỏa mãn 2 điều kiện sau:*

- + Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- + Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó.

1.3 Nguyên tắc kế toán doanh thu.

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu được tiền, hoặc sẽ thu được tiền từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu tư, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm cả các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán (Nếu có).

- Trường hợp doanh nghiệp có doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ bằng ngoại tệ thì phải quy đổi ngoại tệ ra Đồng Việt Nam hoặc đơn vị tiền tệ chính thức sử dụng trong kế toán theo tỷ giá giao dịch thực tế phát sinh hoặc tỷ giá giao dịch bình quân trên thị trường ngoại tệ liên ngân hàng do Ngân hàng Nhà nước Việt Nam công bố tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ kinh tế.

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ thuần mà doanh nghiệp thực hiện được trong kỳ kế toán có thể thấp hơn doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ ghi nhận ban đầu.

- Đối với sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá bán chưa có thuế GTGT.

- Đối với sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ không thuộc đối tượng chịu thuế GTGT, hoặc thuộc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá thanh toán.

- Đối với sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt, hoặc thuế xuất khẩu thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá thanh toán (Bao gồm cả thuế tiêu thụ đặc biệt, hoặc thuế xuất khẩu).

- Những doanh nghiệp nhận gia công vật tư, hàng hoá thì chỉ phản ánh vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hoá nhận gia công.

- Đối với hàng hoá nhận bán đại lý, ký gửi theo phương thức bán đúng giá hưởng hoa hồng thì hạch toán vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ phần hoa hồng bán hàng mà doanh nghiệp được hưởng.

- Trường hợp bán hàng theo phương thức trả chậm, trả góp thì doanh nghiệp ghi nhận doanh thu bán hàng theo giá bán trả ngay và ghi nhận vào doanh thu chưa thực hiện về phần lãi tính trên khoản phải trả nhưng trả chậm phù hợp với thời điểm ghi nhận doanh thu được xác định.

1.4 Nhiệm vụ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

- *Nhiệm vụ của kế toán doanh thu:*

Phản ánh, chi chép đầy đủ sự biến động của các loại hàng hóa, dịch vụ bán ra đồng thời tính toán, hạch toán chính xác từng loại doanh thu.

- *Nhiệm vụ của kế toán chi phí:*

Ghi chép, phản ánh chi tiết, kịp thời chính xác các khoản giảm trừ doanh thu, chi phí phát sinh trong kỳ của doanh nghiệp.

- *Nhiệm vụ của kế toán xác định kết quả kinh doanh:*

Tính toán, kết chuyển chính xác doanh thu thuần, chi phí nhằm xác định kết quả hoạt động kinh doanh đúng đắn đồng thời theo dõi tình hình thực hiện nghĩa vụ đối với Nhà nước của doanh nghiệp.

1.5 Nội dung kế toán doanh thu, chi phí và kết quả hoạt động sản xuất - kinh doanh.

1.5.1 Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

1.5.1.1 Các phương thức tiêu thụ hàng chủ yếu trong các doanh nghiệp.

- Phương pháp bán hàng trực tiếp:

Là phương thức giao hàng cho người mua trực tiếp tại kho, tại các phân xưởng sản xuất (không qua kho) của doanh nghiệp. Sản phẩm khi bàn giao cho khách hàng được chính thức coi là tiêu thụ và đơn vị mất quyền sở hữu về số hàng này.

- Phương thức gửi hàng đi bán:

Theo phương thức này bên bán chuyển hàng cho bên mua theo địa điểm ghi trong hợp đồng. Số hàng chuyển đi này vẫn thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp. Khi được người mua thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán về số hàng chuyển giao (một phần hay toàn bộ) thì số hàng chấp nhận này mới được coi là tiêu thụ.

- Phương thức hàng đổi hàng:

Là phương thức xuất sản phẩm, hàng hóa thuộc đối tượng chịu thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ đổi lấy vật tư, hàng hóa, TSCĐ không tương tự để sử dụng cho sản xuất, kinh doanh hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ, kế toán phản ánh doanh thu bán hàng để đổi lấy vật tư, hàng hóa, TSCĐ khác theo giá bán chưa có thuế GTGT.

- Phương pháp bán hàng đại lý, ký gửi:

Là phương thức mà bên chủ hàng (gọi là bên giao đại lý) xuất hàng giao cho bên nhận đại lý, ký gửi (gọi là bên đại lý) để bán. Bên đại lý sẽ được hưởng thù lao dưới hình thức hoa hồng hoặc chênh lệch giá.

- Phương thức bán hàng trả chậm, trả góp:

Theo phương thức này, khi giao hàng cho người mua, thì lượng hàng chuyển giao được coi là tiêu thụ, người mua sẽ thanh toán lần đầu ngay tại thời điểm mua một phần. Số tiền còn lại người mua sẽ trả dần và phải chịu một tỷ lệ lãi suất nhất định. Thông thường số tiền trả ở các kỳ bằng nhau, trong đó bao gồm một phần doanh thu gốc và một phần lãi suất trả chậm.

- Phương thức tiêu thụ nội bộ:

Là việc mua – bán sản phẩm, hàng hóa, lao vụ dịch vụ giữa đơn vị chính và đơn vị trực thuộc với nhau trong cùng một công ty, tổng công ty, tập đoàn, liên

hiệp xí nghiệp ... Ngoài ra, được coi là tiêu thụ nội bộ còn bao gồm các khoản sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ xuất, biểu, tặng, trả lương, trả thưởng, xuất dùng cho hoạt động kinh doanh.

1.5.1.2 Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn bán hàng, hóa đơn GTGT
- Phiếu thu
- Giấy báo có của ngân hàng

....

1.5.1.3 Tài khoản sử dụng

- TK 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:

Tài khoản này được dùng để phản ánh tổng số doanh thu bán hàng thực tế của doanh nghiệp trong kỳ và các khoản giảm trừ doanh thu.

+ TK 511 cuối kỳ không có số dư và được chi tiết thành 4 tài khoản cấp 2:

TK 5111: Doanh thu bán hàng hóa.

TK 5112: Doanh thu bán các thành phẩm.

TK 5113: Doanh thu cung cấp dịch vụ.

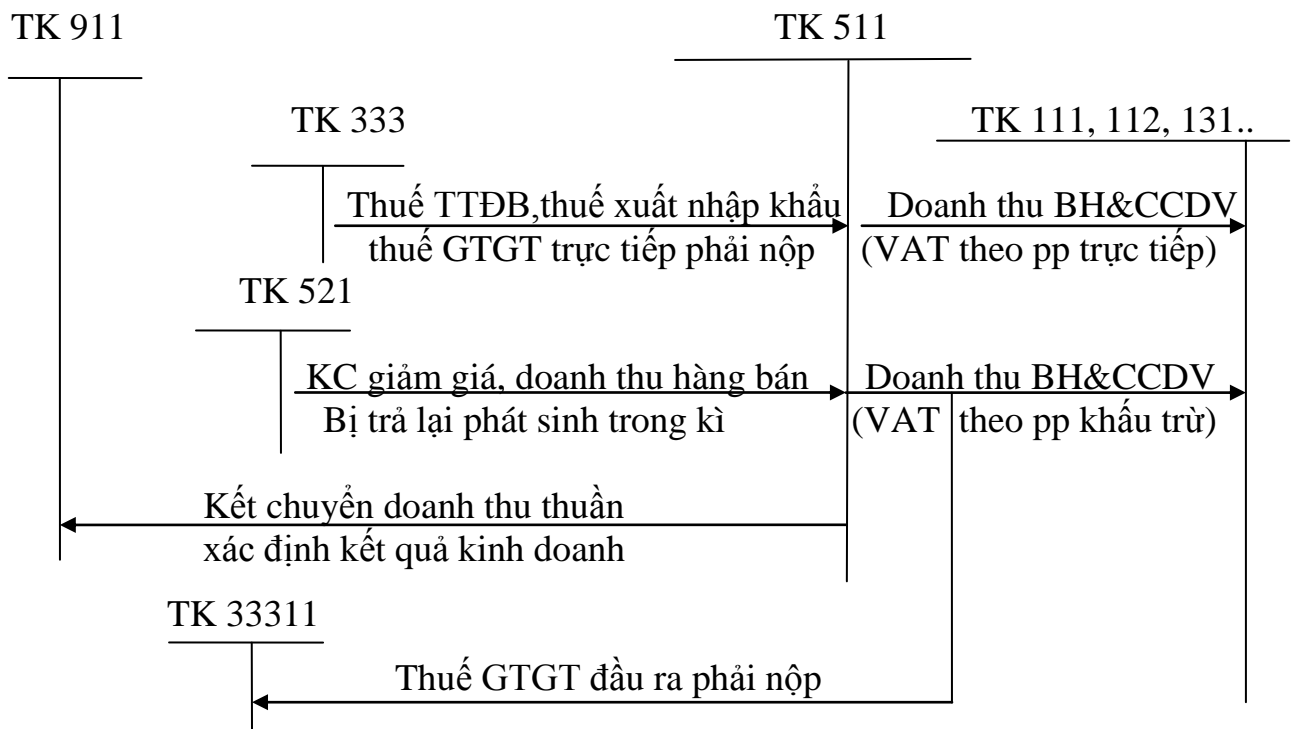
TK 5118: Doanh thu khác.

+ Kết cấu TK 511:

Nợ	TK 511	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Số thuế phải nộp tính trên doanh số bán trong kỳ. - Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và doanh thu hàng bán bị trả lại - Kết chuyển doanh thu thuần vào TK 911. 		<ul style="list-style-type: none"> - Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa và cung cấp dịch vụ, lao vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ hạch toán.

1.5.1.4 Phương pháp hạch toán.

Trình tự hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được khái quát qua sơ đồ sau:



Sơ đồ 1.1 : Sơ đồ trình tự hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

1.5.2 Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu.

1.5.2.1 Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT
- Phiếu chi
- Giấy báo nợ
-

1.5.2.2 Tài khoản sử dụng

- TK 521: Các khoản giảm trừ doanh thu:

Tài khoản này dùng để phản ánh toàn bộ số tiền giảm trừ cho người mua hàng được tính giảm trừ vào doanh thu hoạt động kinh doanh: chiết khấu thương mại, giá trị hàng bán bị trả lại, và các khoản giảm giá hàng bán cho người mua trong kỳ.

+ TK 521 không có số dư cuối kỳ và được chi tiết thành 3 tài khoản cấp 2:

TK 5211: Chiết khấu thương mại.

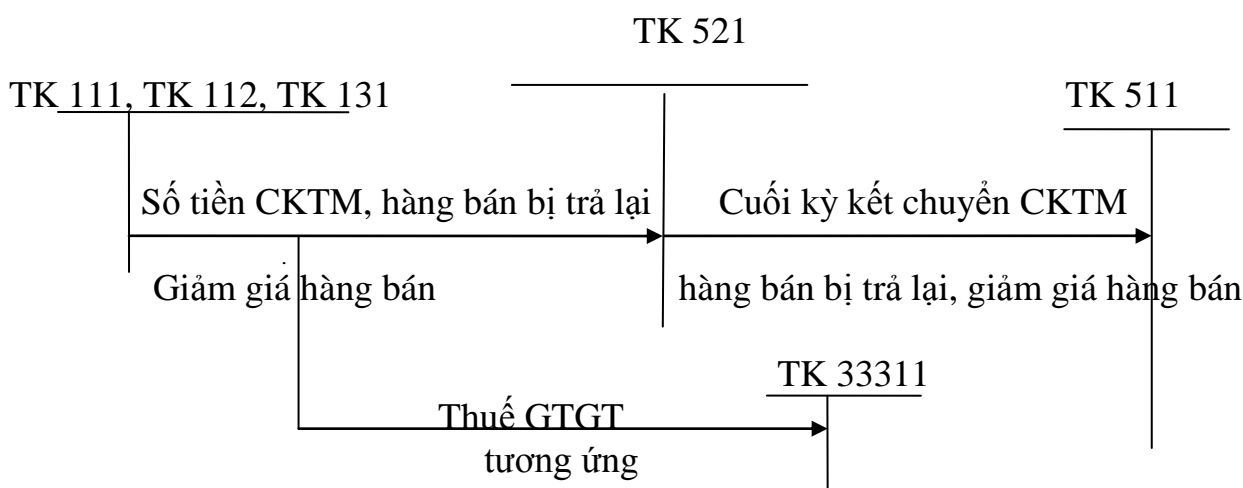
TK 5212: Hàng bán bị trả lại.

TK 5213: Giảm giá hàng bán.

+ Kết cấu TK 521:

Nợ	TK 521	Có
- Trị giá của hàng bán bị trả lại, đã trả lại tiền cho người mua hoặc tính vào nợ phải thu của khách hàng; - Các khoản giảm giá hàng bán.	- Kết chuyển toàn bộ các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh trong kỳ sang TK 511 “Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ”.	

1.5.2.3 Phương pháp hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu.



Sơ đồ 1.2: Sơ đồ trình tự hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu

1.5.2.4 Thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu.

- Thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp là tính trên GTGT thêm của hàng hóa dịch vụ phát sinh trong quá trình từ sản xuất tới tiêu dùng. Thuế GTGT phải nộp tương ứng với số doanh thu đã được xác định trong kỳ báo cáo.

- Thuế tiêu thụ đặc biệt được coi là một trong các khoản giảm từ doanh thu phát sinh khi doanh nghiệp cung cấp các loại sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất thuộc đối tượng chịu thuế TTĐB cho khách hàng.

- Thuế xuất khẩu được coi là một trong các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh khi doanh nghiệp có hàng hóa được phép xuất khẩu qua cửa khẩu hay biên giới. Doanh nghiệp phải có nghĩa vụ nộp thuế xuất khẩu. Trong doanh thu của hàng xuất khẩu đã bao gồm số thuế xuất khẩu phải nộp vào NSNN.

1.5.3 Kế toán giá vốn hàng bán.

1.5.3.1 Các phương pháp xác định giá vốn hàng xuất kho:

- Phương pháp bình quân gia quyền cả kỳ:

Giá trị từng loại hàng tồn kho được tính theo giá trị trung bình của từng loại hàng tồn kho tương tự đầu kỳ và giá trị từng loại hàng tồn kho được mua hoặc sản xuất trong kỳ. Giá trị trung bình có thể được tính theo thời kỳ hoặc vào mỗi khi nhập một lô hàng về, phụ thuộc vào tình hình doanh nghiệp.

+ Giá đơn vị bình quân gia quyền cả kỳ:

$$\text{Giá đơn vị bình quân cả kỳ của hàng I} = \frac{\text{Giá thực tế hàng I tồn đầu kỳ} + \text{Giá thực tế hàng I nhập kho trong kỳ}}{\text{Lượng thực tế hàng I tồn đầu kỳ} + \text{Lượng thực tế hàng I nhập kho trong kỳ}}$$

+ Giá đơn vị bình quân sau mỗi lần nhập (bình quân gia quyền liên hoàn):

$$\text{Giá đơn vị bình quân sau lần nhập j của hàng I} = \frac{\text{Giá thực tế tồn kho sau lần nhập j của hàng I}}{\text{Lượng thực tế tồn kho sau lần nhập j của hàng I}}$$

- Phương pháp nhập trước xuất trước (FIFO)

Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập kho ở thời điểm đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ. Giá trị hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho ở thời điểm cuối kỳ hoặc gần cuối kỳ còn tồn kho. Phương pháp này thường được áp dụng trong trường hợp giảm phát.

- Phương pháp nhập sau xuất trước (LIFO)

Theo phương pháp này thì giá trị hàng xuất kho được tính theo giá của lô hàng nhập sau hoặc gần sau cùng. Giá trị của hàng tồn kho được tính theo giá của hàng nhập kho đầu kỳ hoặc gần đầu kỳ còn tồn kho.

- Phương pháp thực tế đích danh:

Theo phương pháp này giá của từng mặt hàng sẽ được giữ nguyên từ khi nhập kho đến lúc xuất kho. Khi xuất kho mặt hàng nào thì tính theo giá đích danh của mặt hàng đó.

1.5.3.2 Chứng từ sử dụng

- Phiếu xuất kho, Phiếu nhập kho

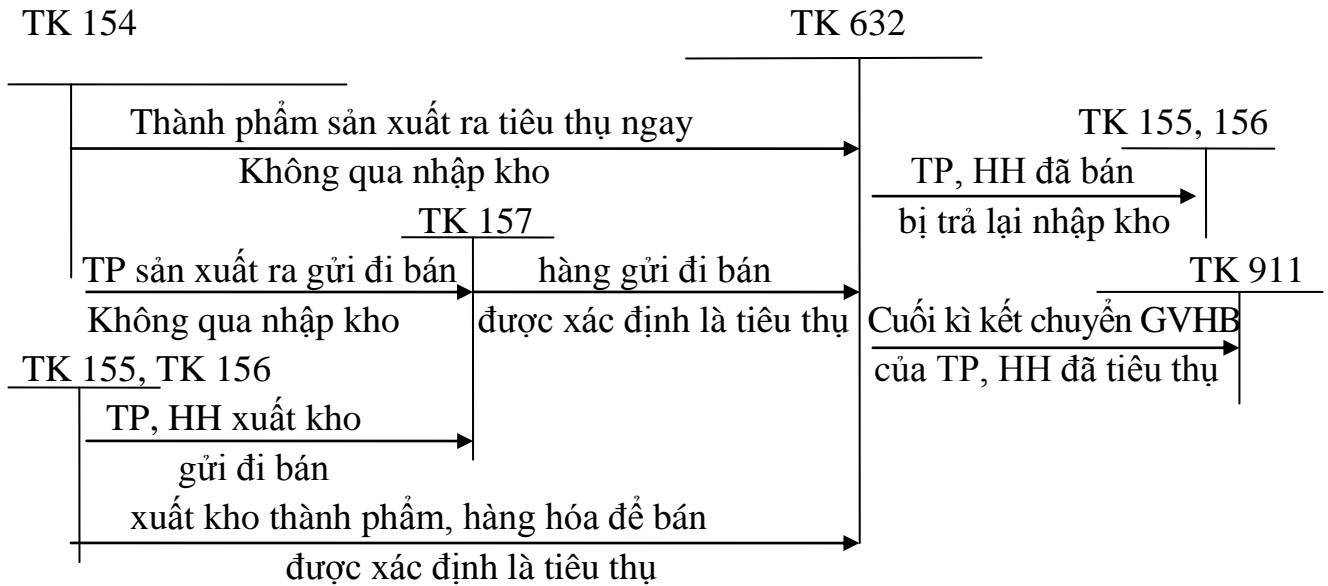
1.5.3.3 Tài khoản sử dụng

- TK 632: Giá vốn hàng bán:

Là tài khoản dùng để theo dõi trị giá vốn của hàng hóa, thành phẩm, lao vụ, dịch vụ xuất bán trong kỳ. Giá vốn hàng bán có thể là giá thành công xưởng thực tế của lao vụ dịch vụ hoặc trị giá mua thực tế của hàng hóa tiêu thụ.

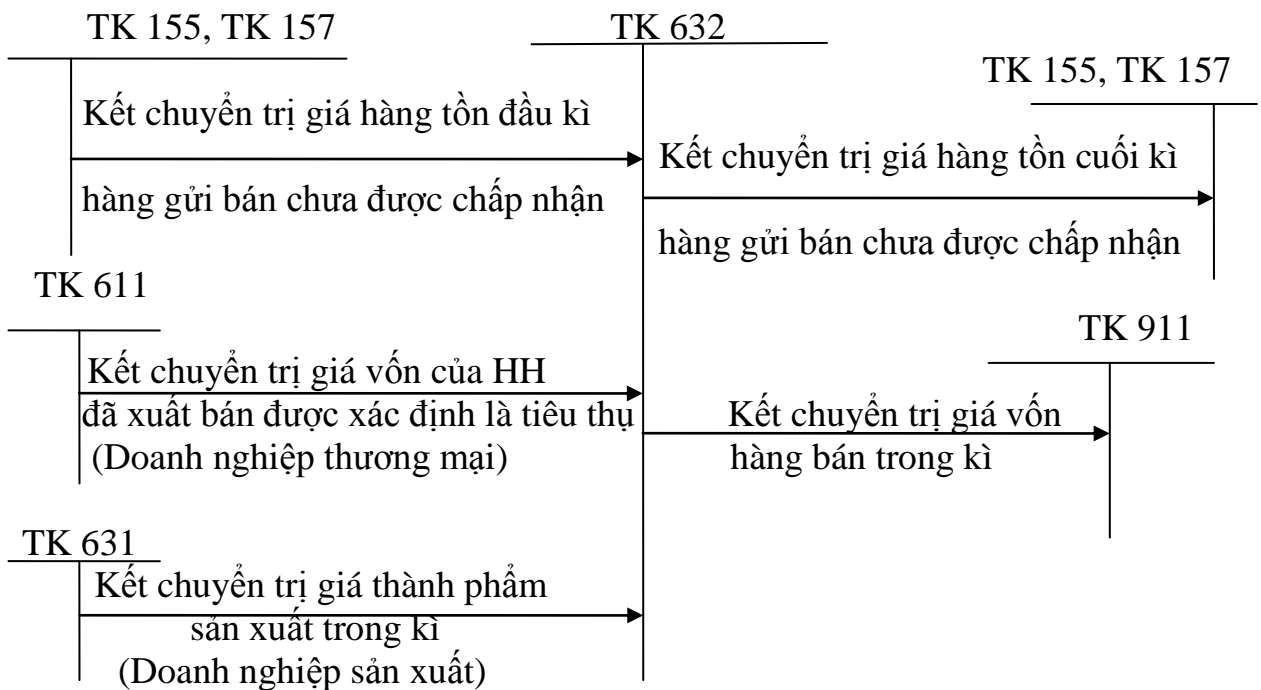
1.5.3.4 Phương pháp hạch toán

- Đối với doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.



Sơ đồ 1.3: Sơ đồ trình tự hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên

- Đối với doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ.



Sơ đồ 1.4: Sơ đồ trình tự hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kỳ

1.5.4 Kế toán chi phí quản lý kinh doanh.

1.5.4.1 Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT
- Bảng phân bổ nguyên vật liệu, công cụ dụng cụ
- Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội
-

1.5.4.2 Tài khoản sử dụng

- TK 642: Chi phí quản lý kinh doanh:

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản chi phí quản lý kinh doanh bao gồm chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

+ Tài khoản 642 không có số dư cuối kỳ và có 2 tài khoản cấp 2:

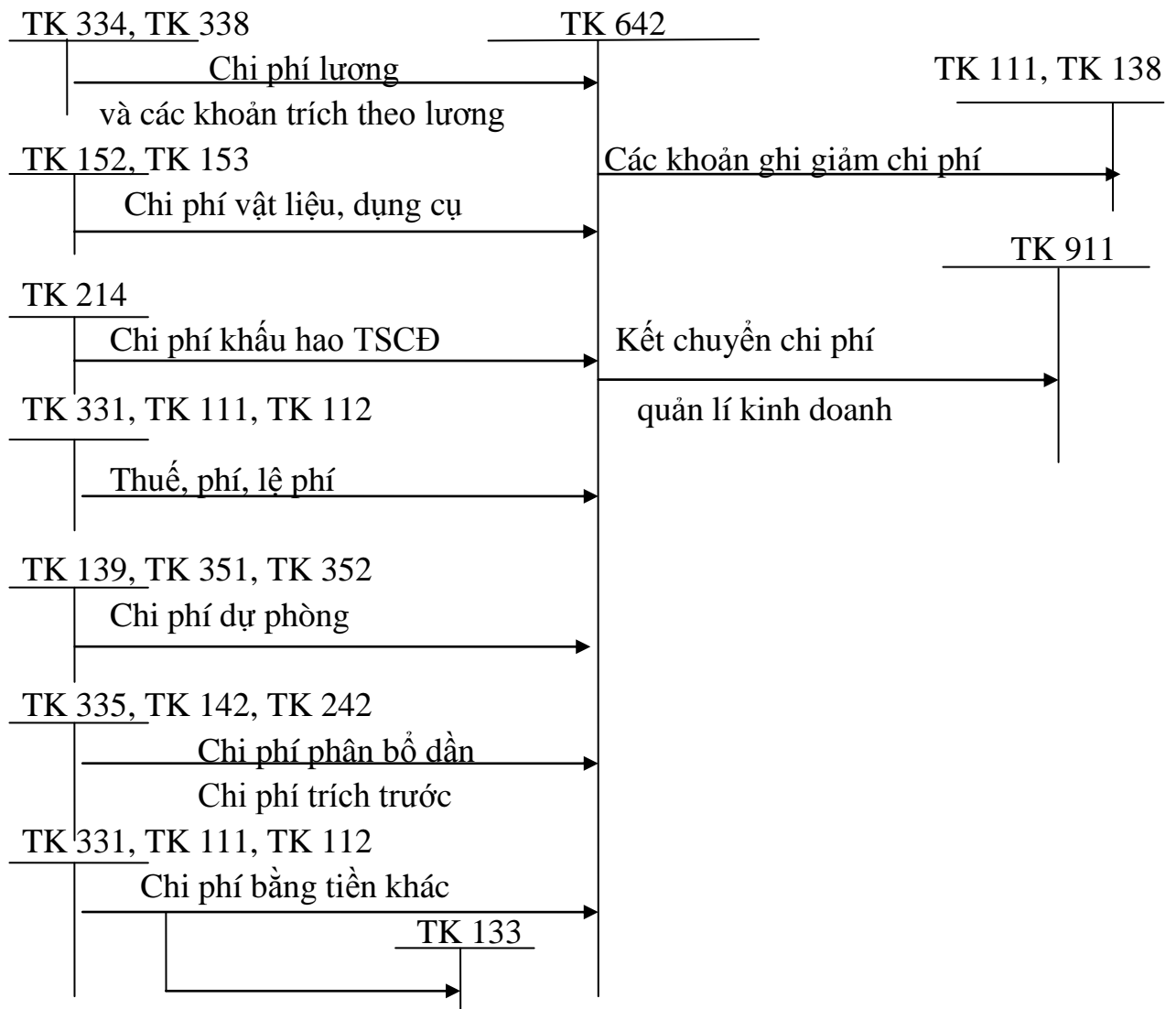
TK 6421: Chi phí bán hàng

TK 6422: Chi phí quản lý doanh nghiệp

+ Kết cấu TK 642:

Nợ	TK 642	Có
- Chi phí quản lý kinh doanh phát sinh trong kỳ.	- Các khoản ghi giảm chi phí quản lý kinh doanh trong kỳ. - Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh vào TK 911.	

1.5.4.3 Phương pháp hạch toán.



Sơ đồ 1.5: Sơ đồ trình tự hạch toán chi phí quản lý kinh doanh

1.5.5 Kế toán chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

1.5.5.1 Chứng từ sử dụng

- Phiếu kế toán

1.5.5.2 Tài khoản sử dụng

- TK 821: Chi phí thuế TNDN

Tài khoản này dùng để phản ánh chi phí thuế TNDN của doanh nghiệp phát sinh trong năm làm căn cứ xác định kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong năm tài chính hiện hành.

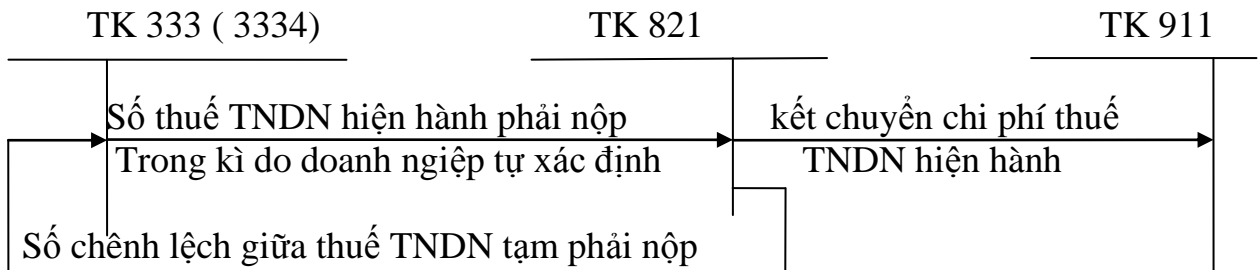
+ TK 821 không có số dư và không có tiểu khoản.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

+ Kết cấu TK 821

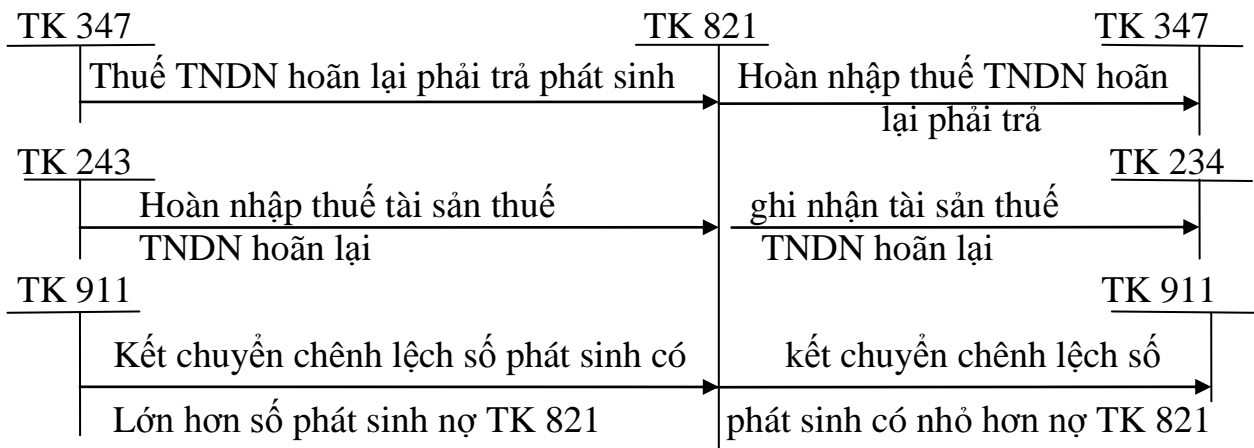
Nợ	TK 821	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành phát sinh trong năm. - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ghi tăng do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước. 	TK 821	<ul style="list-style-type: none"> - Chênh lệch thuế TNDN thực tế phải nộp trong năm nhỏ hơn số thuế TNDN đã tạm nộp. - Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ghi giảm do phát hiện sai sót không trọng yếu của các năm trước. - Kết chuyển thuế TNDN vào TK 911

1.5.5.3 Phương pháp hạch toán.



lớn hơn số phải thuế TNDN phải nộp

Sơ đồ 1.6: Sơ đồ trình tự hạch toán chi phí thuế TNDN hiện hành



Sơ đồ 1.7: Sơ đồ trình tự hạch toán chi phí thuế TNDN hoãn lại

1.5.6 Kế toán kết quả hoạt động sản xuất – kinh doanh.

1.5.6.1 Chứng từ sử dụng

- Phiếu kế toán

1.5.6.2 Tài khoản sử dụng

- TK 911: Xác định kết quả kinh doanh

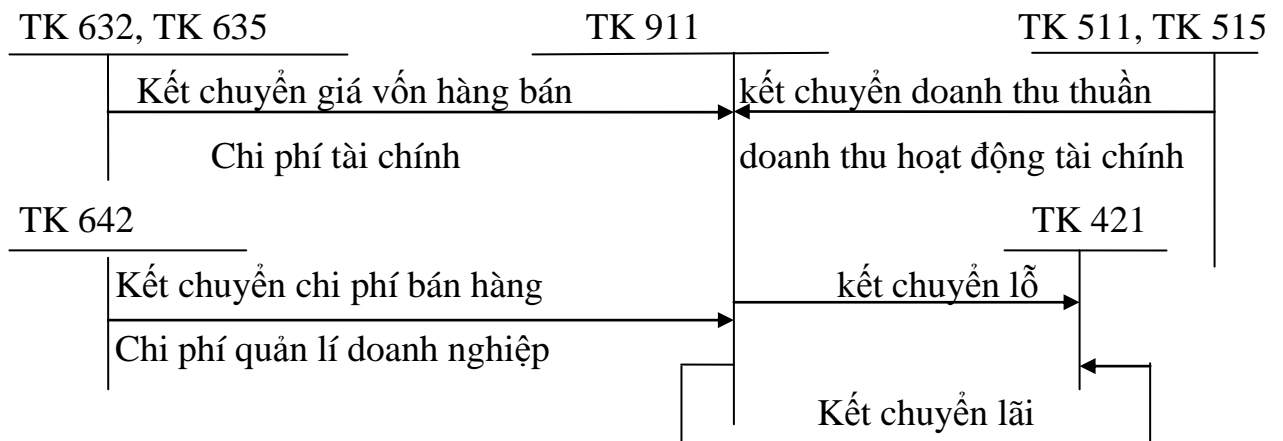
KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Tài khoản này dùng để xác định và phản ánh kết quả kinh hoạt động kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán năm.

+ Kết cấu TK 911

Nợ	TK 911	Có
<ul style="list-style-type: none"> - Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán - Chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và chi phí khác - Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp - Kết chuyển lãi. 	TK 911	<ul style="list-style-type: none"> - Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ; - Doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và khoản ghi giảm chi phí thuế TNDN - Kết chuyển lỗ.

1.5.6.3 Phương pháp hạch toán kết quả sản xuất – kinh doanh.



Sơ đồ 1.8: Sơ đồ trình tự hạch toán kết quả sản xuất kinh doanh.

1.6 Nội dung kế toán doanh thu và chi phí hoạt động tài chính.

1.6.1 Chứng từ sử dụng

- Phiếu thu, phiếu chi
- Giấy báo nợ, giấy báo có
- ...

1.6.2 Tài khoản sử dụng

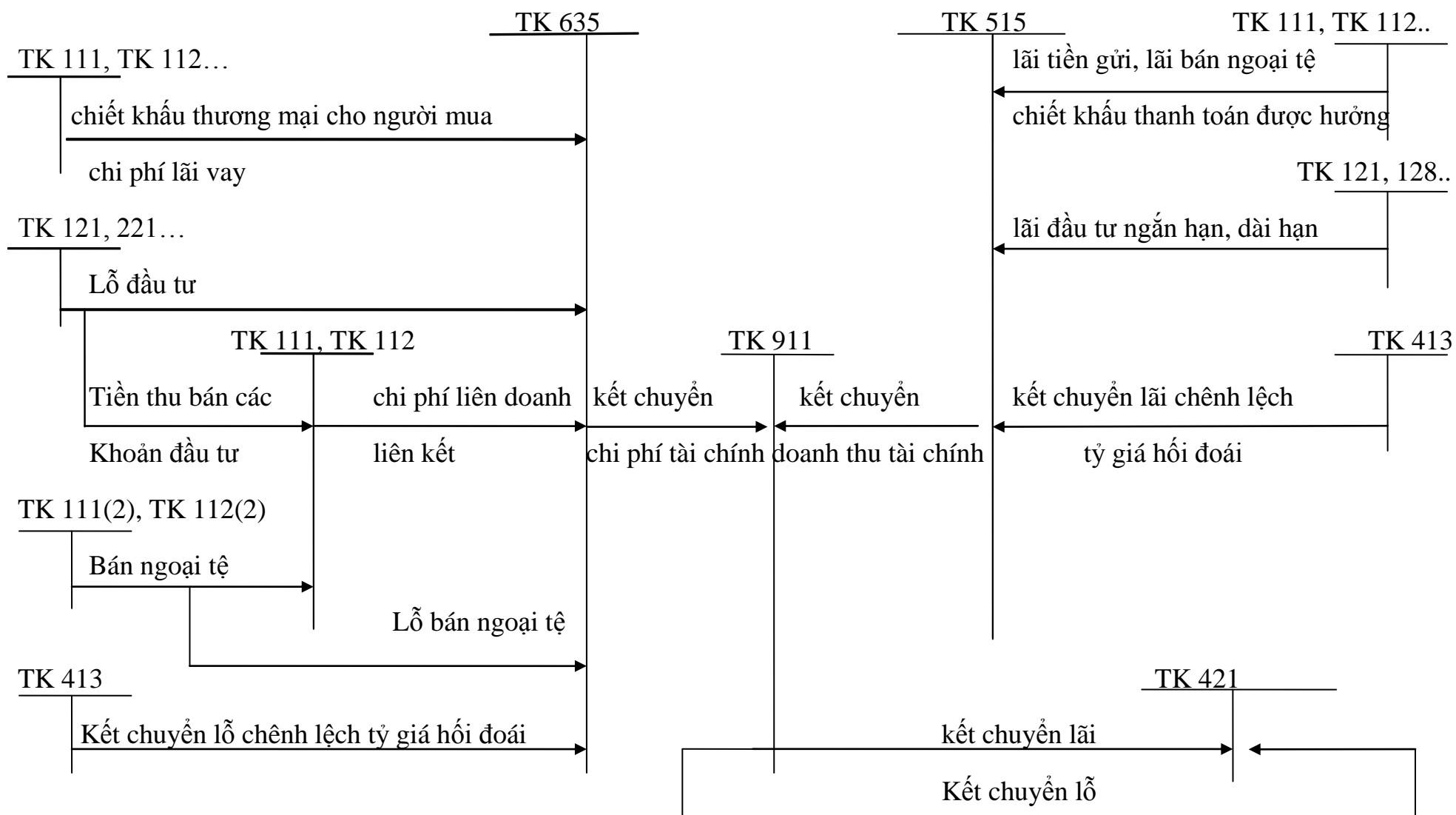
- TK 515: Doanh thu hoạt động tài chính

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Nợ	TK 515	Có
<ul style="list-style-type: none">- Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có);- Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang TK 911. <p style="margin-left: 20px;">- TK 635: Chi phí tài chính</p> <p>Tài khoản này phản ánh những khoản chi phí đầu tư tài chính ra ngoài doanh nghiệp nhằm mục đích sử dụng hợp lý các nguồn vốn, tăng thêm thu nhập và nâng cao hiệu quả kinh doanh của doanh nghiệp.</p>	TK 515	<ul style="list-style-type: none">- Doanh thu hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ.
Nợ	TK 635	Có
<ul style="list-style-type: none">- Các khoản chi phí của hoạt động đầu tư tài chính phát sinh trong kỳ.	TK 635	<ul style="list-style-type: none">- Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán.- Kết chuyển chi phí tài chính sang TK 911.

1.6.3 Phương pháp hạch toán



Sơ đồ 1.9: Sơ đồ trình tự hạch toán doanh thu và chi phí hoạt động tài chính

1.7 Nội dung kế toán thu nhập, chi phí khác.

1.7.1 Chứng từ sử dụng

- Phiếu thu, phiếu chi
- Biên bản bàn giao, thanh lý tài sản cố định
- ...

1.7.2 Tài khoản sử dụng

- TK 711: Thu nhập khác

Là tài khoản dùng để phản ánh các khoản thu từ các hoạt động xảy ra không thường xuyên, ngoài các hoạt động tạo ra doanh thu của doanh nghiệp.

+ Kết cấu TK 711:

Nợ	TK 711	Có
- Số thuế GTGT phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp. - Kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang TK 911.	- Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ.	

- TK 811: Chi phí khác

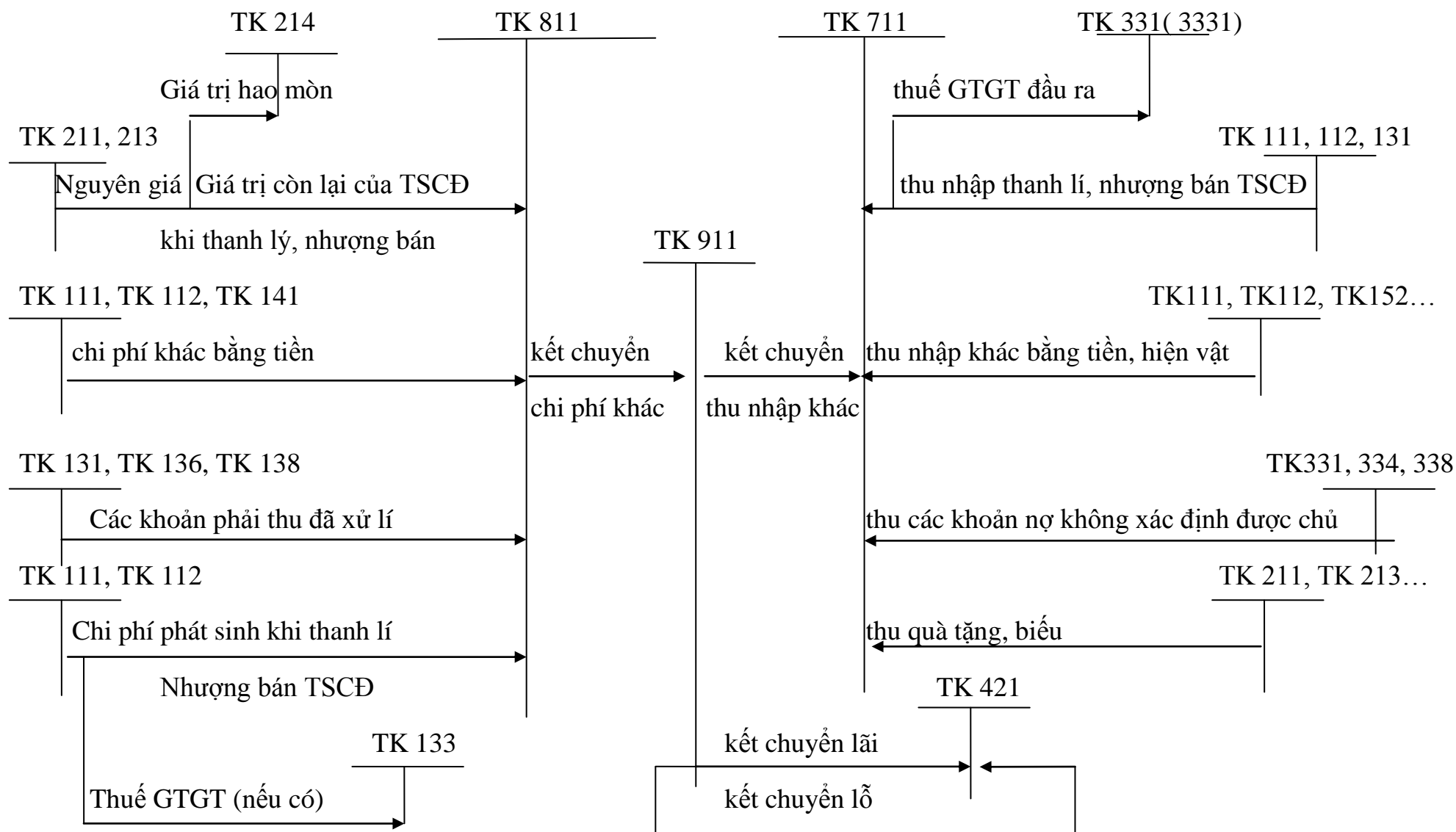
Là tài khoản dùng để phản ánh các khoản chi phí xảy ra không thường xuyên, riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp.

+ Kết cấu TK 811:

Nợ	TK 811	Có
- Các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ.	- Kết chuyển các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ sang TK 911.	

1.7.3 Phương pháp hạch toán

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP



Sơ đồ 1.10: Sơ đồ trình tự hạch toán thu nhập và chi phí khác

1.8 Tổng hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh toàn doanh nghiệp.

1.8.1 Tài khoản sử dụng.

- TK 911: Xác định kết quả kinh doanh
- TK 421: Lợi nhuận chưa phân phối

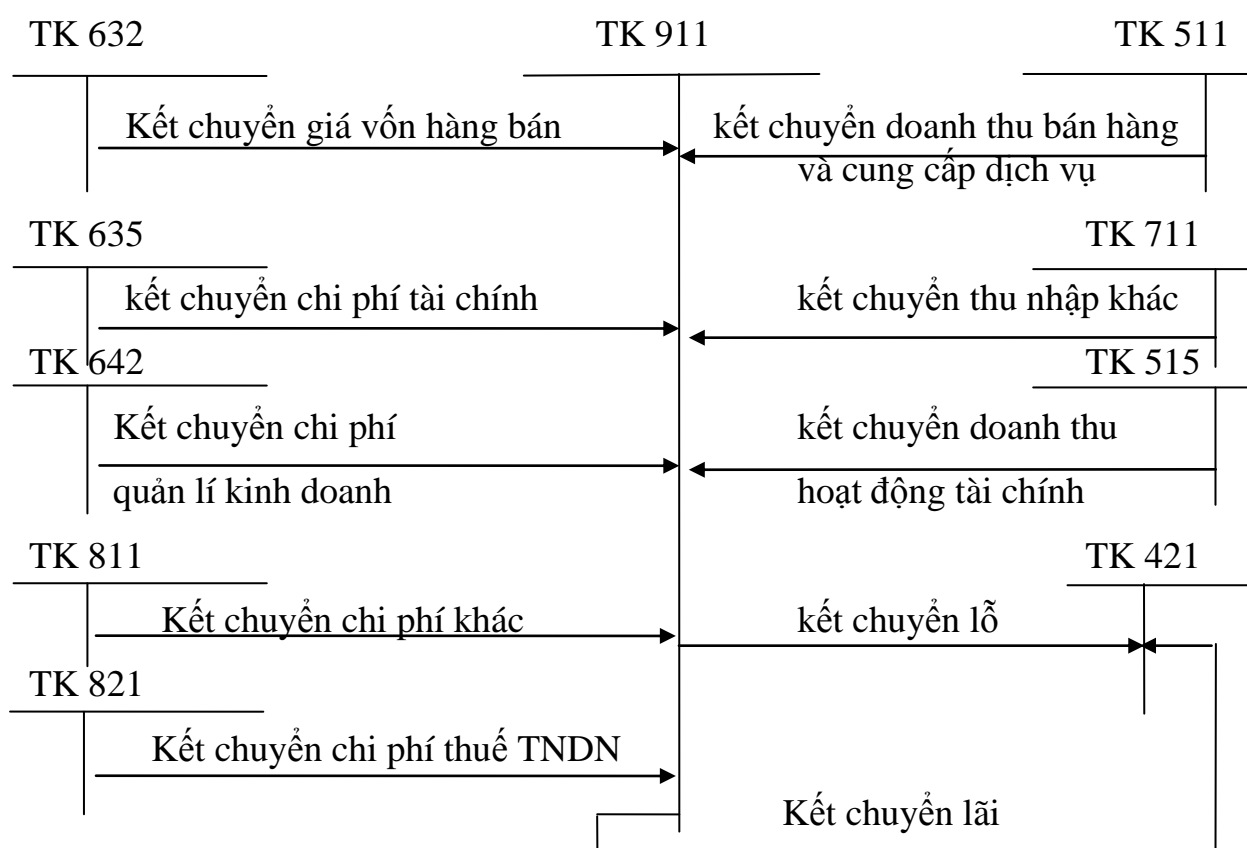
Tài khoản này dùng để phản ánh kết quả kinh doanh (lợi nhuận, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của doanh nghiệp. TK 421 có thể có số dư Nợ hoặc dư Có:

- + Số dư bên Nợ: Số lỗ hoạt động kinh doanh chưa xử lý.
- + Số dư bên Có: Số lợi nhuận chưa phân phối hoặc chưa sử dụng.
- + TK 421 có 2 tài khoản cấp 2:

TK 4211: Lợi nhuận chưa phân phối năm trước

TK 4212: Lợi nhuận chưa phân phối năm nay

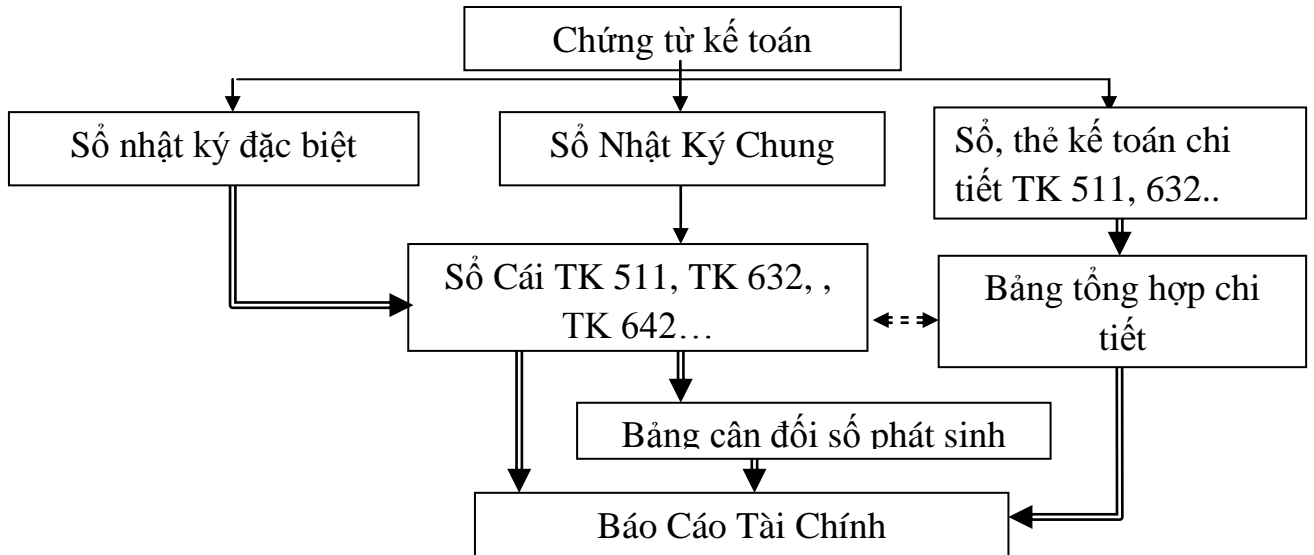
1.8.2 Phương pháp hạch toán.



Sơ đồ 1.11: Sơ đồ trình tự hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh toàn doanh nghiệp

1.9 Đặc điểm kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo các hình thức kế toán.

1.9.1 Hình thức kế toán nhật ký chung.

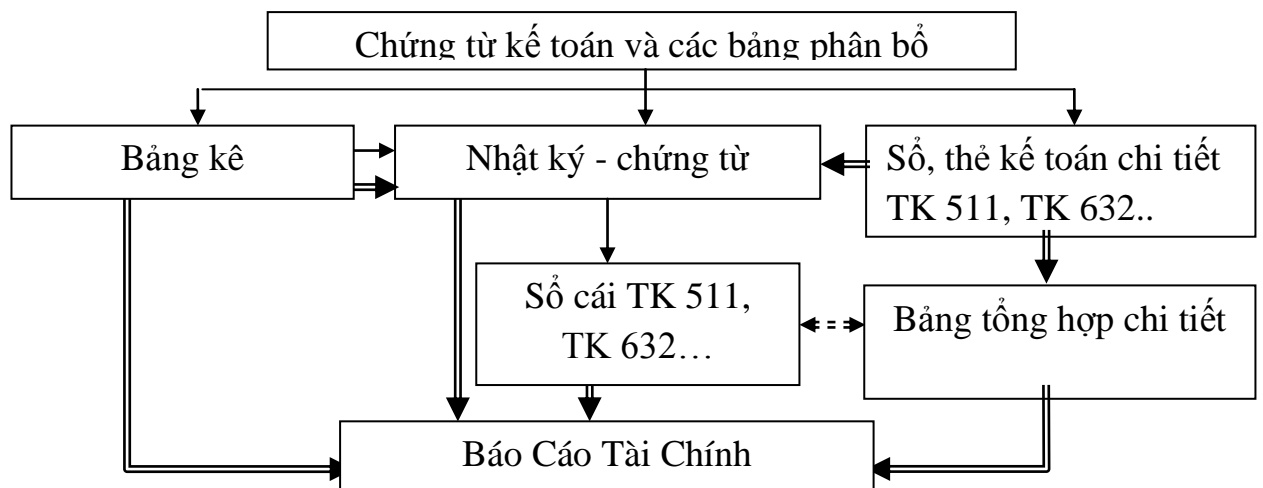


Ghi chú:

- > Ghi hàng ngày
- ====> Ghi cuối tháng hoặc định kỳ
- =====> Quan hệ đối chiếu và kiểm tra

Sơ đồ 1.12: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh theo hình thức kế toán Nhật ký chung.

1.9.2 Hình thức kế toán nhật ký - chứng từ.

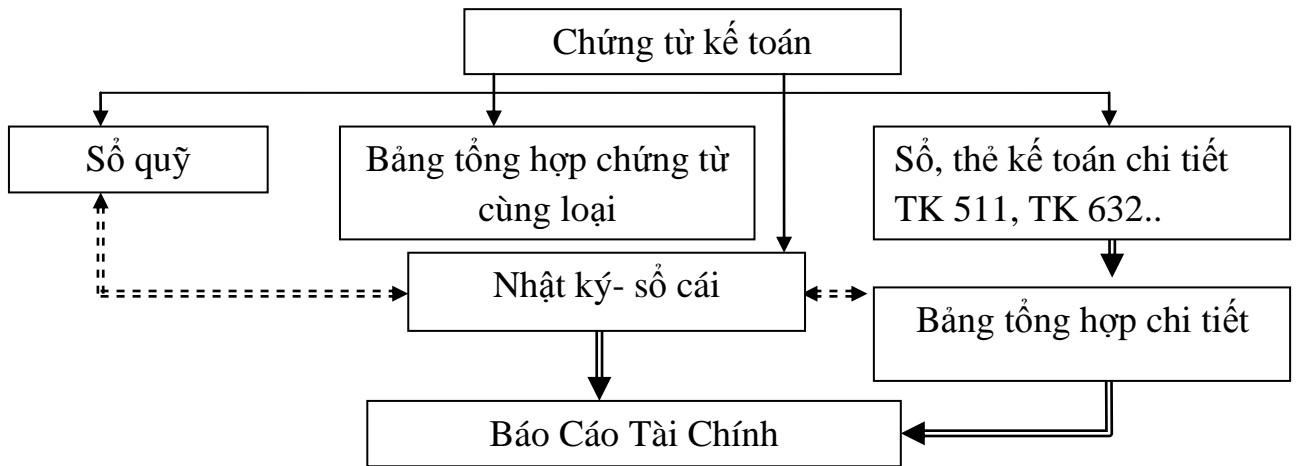


Ghi chú:

- > Ghi hàng ngày
- ====> Ghi cuối tháng hoặc định kỳ
- =====> Quan hệ đối chiếu và kiểm tra

Sơ đồ 1.13: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh theo hình thức kế toán Nhật ký – chứng từ.

1.9.3 Hình thức kế toán nhật ký – sổ cái.

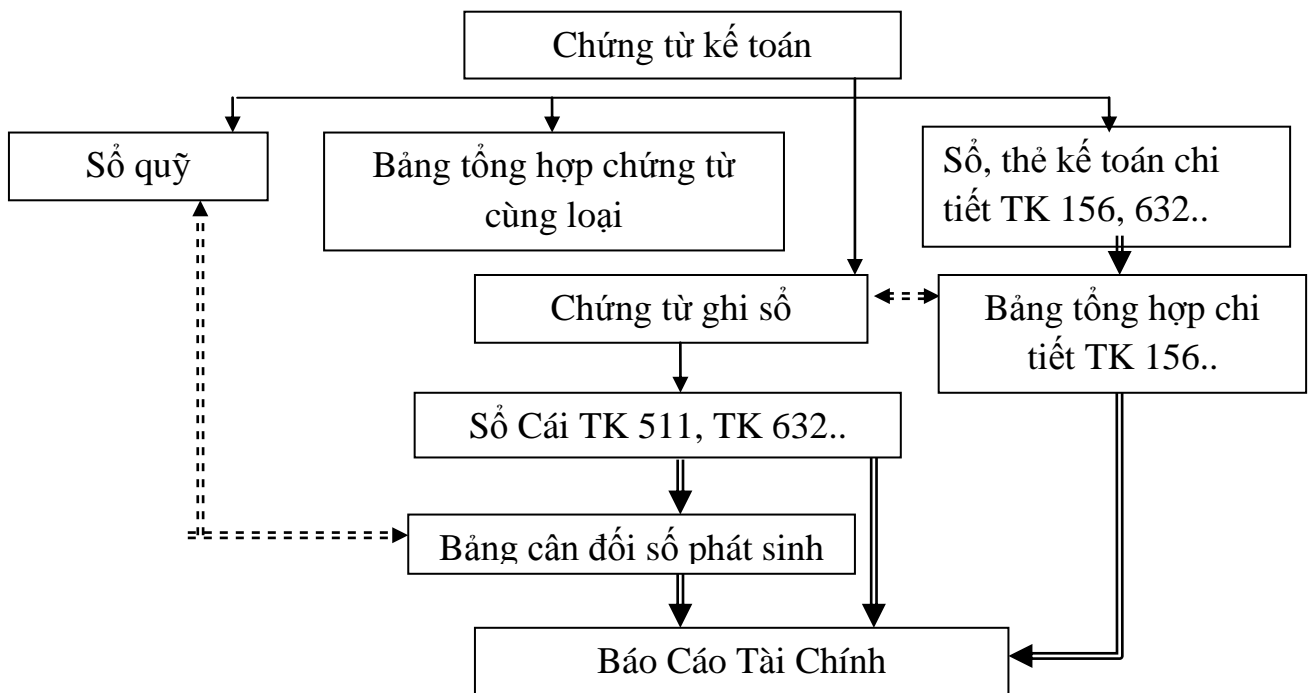


Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- ⇒ Ghi cuối tháng hoặc định kỳ
- ⇔ Quan hệ đối chiếu và kiểm tra

Sơ đồ 1.14: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh theo hình thức kế toán Nhật ký – sổ cái.

1.9.4 Hình thức kế toán chứng từ ghi sổ.

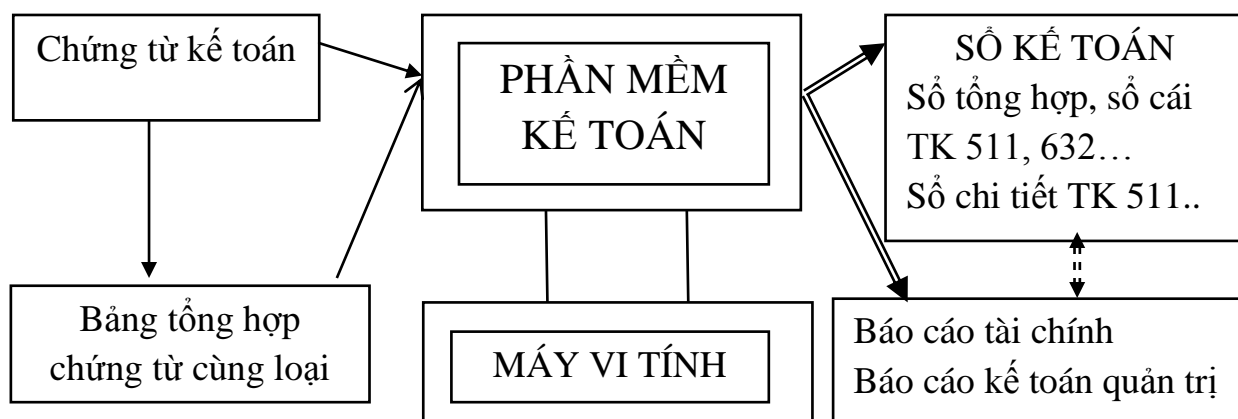


Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- ⇒ Ghi cuối tháng hoặc định kỳ
- ⇔ Quan hệ đối chiếu và kiểm tra

Sơ đồ 1.15: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ.

1.9.5 Hình thức kế toán máy.



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- ⇒ Ghi cuối tháng hoặc định kỳ
- ⇄ Quan hệ đối chiếu và kiểm tra

Sơ đồ 1.16: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh theo hình thức kế toán máy.

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH ĐỨC TÀI

2.1 Đặc điểm chung ảnh hưởng đến công tác hạch toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Đức Tài.

2.1.1 Lịch sử hình thành và phát triển của công ty TNHH Đức Tài.

- Tên công ty: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Đức Tài
- Tên tiếng anh của công ty: DUC TAI COMPANY LIMITED.
- Viết tắt: DUCTAI.CO.LTD.
- Loại hình doanh nghiệp: Công ty trách nhiệm hữu hạn
- Trụ sở chính: 42 Lương Khánh Thiện, Quận Ngô Quyền, Thành phố Hải Phòng.
- Mã số thuế: 02 005 90 589
- Email: Baohanhaiphong @gmail.com
- Số điện thoại: 0313 920 768 Fax: 0316 502 772
- Hoạt động kinh doanh chính của doanh nghiệp:
 - + Cung cấp các thiết bị nghe nhìn, các dịch vụ truyền hình số vệ tinh, dịch vụ truyền hình trả tiền và gia hạn thuê bao.
 - + Bảo hành sửa chữa các thiết bị điện tử K+, VTC, VTD, Niken..

Kể từ ngày thành lập và đi vào hoạt động kinh doanh đến nay, công ty TNHH Đức Tài đã là 1 doanh nghiệp có nhiều thay đổi trong quá trình phát triển, lãnh đạo công ty đã tự đi tìm cho mình hướng đi mới phù hợp với khả năng để đa dạng dịch vụ, mở rộng thị trường trên khắp cả nước. Mặc dù phải đối mặt với những khó khăn về mọi mặt nhưng với sự năng động sáng tạo của đội ngũ quản lý và sự đồng lòng của cán bộ công nhân viên, công ty đã có những cố gắng đáng ghi nhận trong việc tổ chức bộ máy quản lý nhằm đáp ứng được nhu cầu của thị trường. Có thể thấy rõ sự phát triển của công ty qua bảng số liệu kết quả hoạt động kinh doanh trong 2 năm gần đây:

Bảng 2.1. Một số chỉ tiêu tài chính tại công ty TNHH Đức Tài.

Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014
1. Tổng doanh thu	43.039.872.958	59.026.250.132
2. Tổng doanh thu thuần	43.024.822.958	59.026.250.132
3. Tổng GVHB	41.762.152.290	57.283.675.533
4. Tổng lợi nhuận gộp	1.262.670.668	1.742.574.599
5. Tổng lợi nhuận trước thuế	355.785.304	673.909.733
6. Thu nhập bình quân 1 lao động/tháng	2.800.000	3.400.000
7. Thuế và các khoản phải nộp NSNN	71.157.061	134.781.947
8. Vốn kinh doanh bình quân	6.336.345.430	7.546.164.762

2.1.2 Đặc điểm về sản phẩm, tổ chức sản xuất kinh doanh tại công ty TNHH Đức Tài.

Công ty TNHH Đức Tài có đặc thù là công ty thương mại và dịch vụ chuyên cung cấp các thiết bị và các gói dịch vụ của truyền hình số vệ tinh K+ như sau:

Bảng 2.2 Trích bảng danh mục hàng hóa năm 2014

TT	Tên hàng hóa
1	Đầu K+ Access+ 3 tháng
2	Đầu K+ PremiumHD+ 3 tháng(đầu SD)
3	Đầu K+ PremiumHD+ 1 tháng(đầu SD)
4	Đầu K+ PremiumHD+ 3 tháng(đầu HD)
5	Đầu K+ PremiumHD+ 1 tháng(đầu HD)
6	Thẻ cào Nâng Cấp 1M (từ Access lên PremiumHD)
7	Thẻ cào Access+6 tháng cho đầu Viaccess
8	Thẻ cào Access+12 tháng cho đầu Viaccess
9	Thẻ cào Access+ 1 tháng
10	Thẻ cào Access+ 3 tháng
11	Thẻ cào Access+ 6 tháng
12	Thẻ cào Access+ 12 tháng
13	Thẻ cào PremiumHD+ 1 tháng
14	Thẻ cào PremiumHD+ 3 tháng
15	Thẻ cào PremiumHD+ 6tháng
...	...
26	Đầu HD nâng cấp
27	Điều khiển
28	Thẻ K+ trắng

(Nguồn: Phòng kinh doanh công ty TNHH Đức Tài)

2.1.3 Đặc điểm doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Đức Tài.

- *Đặc điểm doanh thu:*

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ của công ty TNHH Đức Tài chủ yếu đến từ việc cung cấp các thiết bị K+ như: đầu thu, thẻ cào, các phụ kiện đi kèm như chảo, LNB, dây..

Doanh thu hoạt động tài chính: chủ yếu là các khoản lãi tiền gửi ngân hàng.

- *Đặc điểm chi phí:* chi phí trong kỳ phát sinh chủ yếu là: Giá vốn hàng bán và chi phí quản lý kinh doanh.

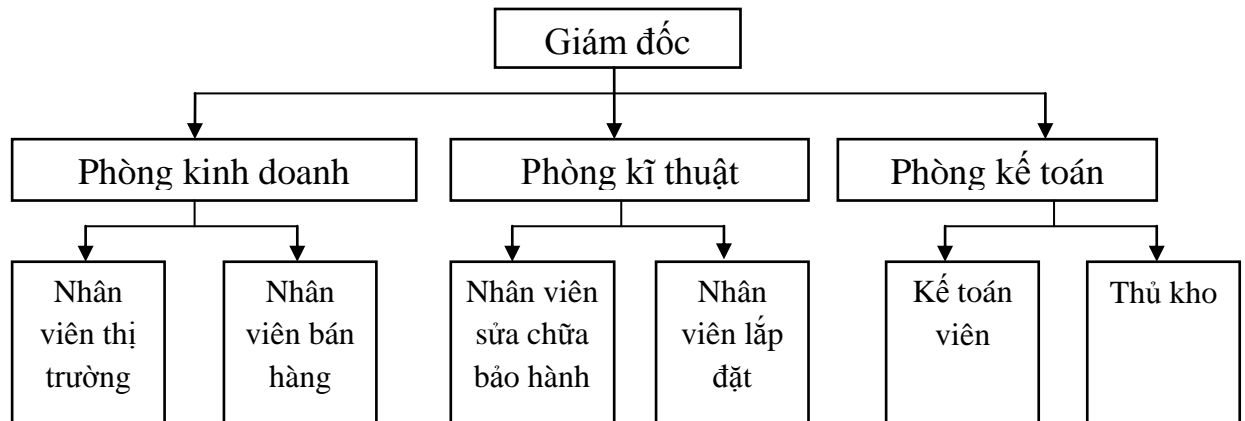
2.1.4 Đối tượng và kỳ hạch toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Đức Tài.

- Doanh thu và chi phí tại công ty TNHH Đức Tài được hạch toán riêng theo từng hoạt động: hoạt động sản xuất kinh doanh và hoạt động tài chính.

- Kết quả kinh doanh được tập hợp chung cho 2 hoạt động để xác định thuế TNDN và lợi nhuận trong kỳ kế toán của công ty.

- Kỳ hạch toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh là năm.

2.1.5 Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý tại công ty TNHH Đức Tài.



Sơ đồ 2.1: Sơ đồ tổ chức bộ máy quản lý tại công ty TNHH Đức Tài

(Nguồn : Phòng kế toán công ty TNHH Đức Tài)

Chức năng nhiệm vụ của từng phòng ban

- *Phòng kinh doanh:* trực tiếp chịu trách nhiệm thực hiện các hoạt động tiếp thị, bán hàng tới các khách hàng và khách hàng tiềm năng của Doanh nghiệp nhằm đạt mục tiêu về doanh số hay thị phần,..

- *Phòng kỹ thuật :*

+ Hỗ trợ, triển khai sản phẩm mới về kỹ thuật sản phẩm.

+ Quản lý và đưa ra các chỉ thị liên quan đến kỹ thuật cho các phẩm và công đoạn.

+ Tiến hành phân tích lỗi công đoạn, lỗi linh kiện....

- *Phòng kế toán:*

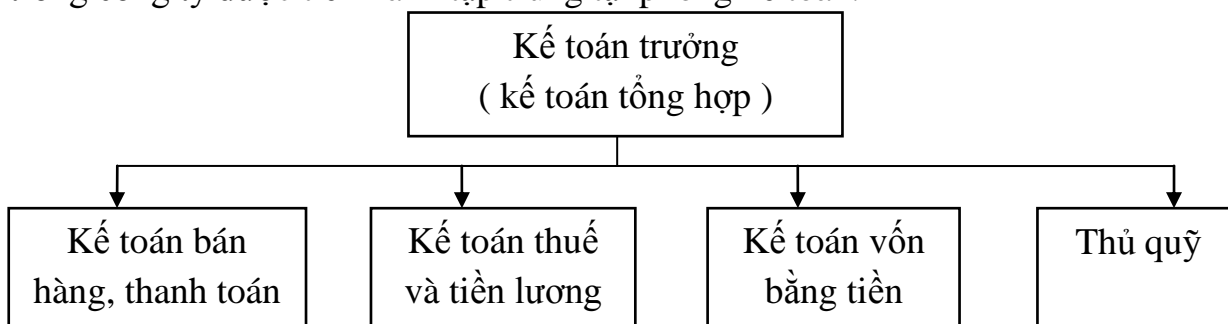
+ Thực hiện việc tổ chức công tác kế toán, bộ máy kế toán theo quy định của pháp luật.

+ Tổng hợp số liệu kế toán và thực hiện lập các báo cáo tài chính.

2.1.6 Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán và chính sách kế toán áp dụng tại công ty TNHH Đức Tài.

- Đặc điểm tổ chức bộ máy kế toán tại công ty TNHH Đức Tài.

Tổ chức bộ máy kế toán theo mô hình tập trung, toàn bộ công tác kế toán trong công ty được tiến hành tập trung tại phòng kế toán.



Sơ đồ 2.2: Tổ chức bộ máy kế toán tại công ty TNHH Đức Tài.

(Nguồn : Phòng kế toán công ty TNHH Đức Tài)

- *Kế toán trưởng:* chỉ đạo toàn diện, kiểm tra giám sát chặt chẽ công tác kế toán của công ty đồng thời xác định kết quả kinh doanh, lập báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm trước giám đốc về các số liệu báo cáo kế toán.

- *Kế toán bán hàng, thanh toán:*

+ Xác nhận hóa đơn bán hàng và chứng từ thanh toán.

+ Kiểm tra chi tiết công nợ, định kỳ xác nhận công nợ với khách hàng.

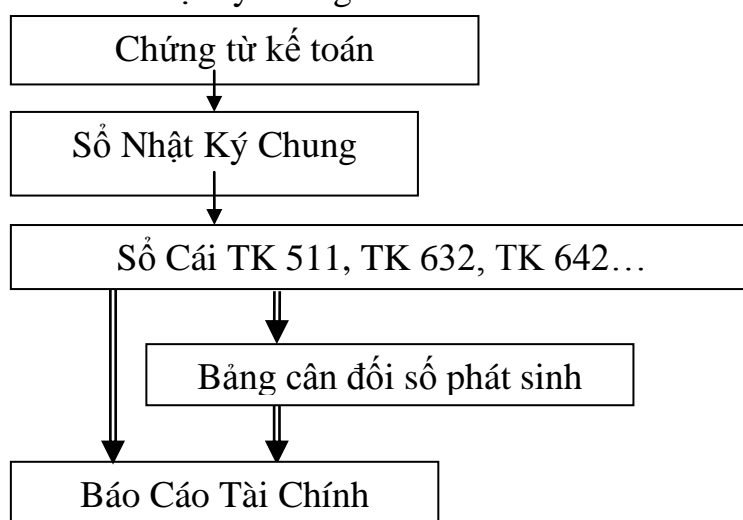
- *Kế toán thuế kiêm kế toán lương:*

+ Lập báo cáo tổng hợp thuế GTGT, theo dõi báo cáo tình hình nộp ngân sách nhà nước của công ty.

+ Tính toán các khoản tiền lương, thưởng, các khoản trợ cấp và giảm trừ của người lao động.

- *Thủ quỹ:* thực hiện các nghiệp vụ liên quan đến thu, chi tiền mặt. Kiểm kê, quản lý, bảo quản tiền mặt .

- Chính sách kế toán công ty áp dụng.
- + Chế độ kế toán áp dụng: Công ty TNHH Đức Tài đang áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa ban hành theo Quyết định số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/9/2006 của bộ tài chính.
- + Kỳ kế toán: Bắt đầu từ ngày 01/01 kết thúc vào ngày 31/12 dương lịch.
- + Đơn vị tiền tệ sử dụng: Đồng Việt Nam.
- + Tính thuế GTGT: Phương pháp khấu trừ.
- + Kế toán hàng tồn kho: Phương pháp kê khai thường xuyên.
- + Tính giá vốn hàng xuất kho: Nhập trước xuất trước.
- + Hình thức kế toán: Nhật ký chung.



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày
- ==> Ghi cuối tháng hoặc định kỳ
- ====> Quan hệ đối chiếu và kiểm tra

Sơ đồ 2.3: Sơ đồ trình tự ghi sổ kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh theo hình thức nhật ký chung tại công ty TNHH Đức Tài

2.2 Thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Đức Tài.

2.2.1 Nội dung hạch toán doanh thu, chi phí hoạt động bán hàng và cung cấp dịch vụ tại công ty TNHH Đức Tài.

2.2.1.1 Nội dung hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ.

- Chứng từ sử dụng
- + Hóa đơn GTGT mẫu số 01GTKT-3/001
- + Chứng từ thanh toán: Phiếu thu, giấy báo có của ngân hàng
- + Các chứng từ liên quan khác: Đơn đặt hàng, hợp đồng mua bán hàng hóa...
 - Tài khoản sử dụng
- + TK 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
- + Các TK khác có liên quan: TK 111, TK 112, TK 131, TK 3331...
 - Sổ sách sử dụng
- + Sổ cái TK 511
- + Sổ nhật ký chung
 - Nội dung hạch toán

Ví dụ 1: Ngày 01/12/2014: Công ty xuất kho 1 đầu K+ Premium 3T HD bán cho Công ty TNHH 1TV Bông đá Quảng Ninh, tổng giá thanh toán 5.400.000 đồng (thuế VAT 10%) theo hóa đơn GTGT 0000771, khách hàng trả ngay bằng tiền mặt.

➤ *Trình tự chứng từ:*

- Khi bán hàng kế toán lập HĐ GTGT 0000771 (Biểu số 2.1).
- Khách hàng thanh toán ngay bằng tiền mặt cho công ty, kế toán lập phiếu thu số 01/12 (Biểu số 2.2) để ghi nhận khách hàng đã thanh toán.
- Căn cứ vào HĐ GTGT số 0000771 và phiếu thu tiền mặt số 01/12 kế toán ghi nhận bút toán giá bán vào sổ nhật ký chung (Biểu số 2.6).

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.1: HD GTGT số 0000771

Mẫu số: 01GTKT-3/001					
HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG					
(Liên 3:Nội bộ)					
Ngày 01 tháng 12 năm 2014					
Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH Đức Tài					
MST: 0200590589					
Địa chỉ: 42 Lương Khánh Thiện – HP			Điện thoại: 0313920768		
Số TK: 19025758594010			tại Ngân hàng: Techcombank		
Đơn vị mua hàng: Công ty TNHH 1TV Bóng đá Quảng Ninh.					
MST: 5701723334			Hình thức thanh toán: Tiền mặt		
Địa chỉ: Số 10 phường Quang Hanh thành phố Cẩm Phả tỉnh Quảng Ninh.					
Số TK: tại Ngân hàng:					
TT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Đầu K+ Premium 3T HD	Bộ	02	2.454.545	4.909.090
Cộng tiền hàng:					4.909.090
Thuế suất thuế GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT:			490.910
Tổng cộng tiền thanh toán:					5.400.000
Số tiền viết bằng chữ: Năm triệu bốn trăm nghìn đồng chẵn.					
Người mua hàng	Người bán hàng	Thủ trưởng đơn vị			
(Ký, ghi rõ họ tên)	(Ký, ghi rõ họ tên)	(Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)			
<i>(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)</i>					

(Nguồn: phòng kế toán công ty TNHH Đức Tài)

Biểu số 2.2: Phiếu thu tiền mặt số 01

Đơn vị: Công ty TNHH Đức Tài

Mẫu số: 01 - TT

Địa chỉ: 42 Lương Khánh Thiện, HP (Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC

Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU THU

Ngày 01 tháng 12 năm 2014

Số: 01/12

Họ và tên người nộp tiền: Vũ Văn Phong

Địa chỉ: Công ty TNHH 1TV Bóng đá Quảng Ninh.

Lý do nộp: Thanh toán tiền theo HĐ GTGT số 0000771.

Số tiền: 5.400.000 đồng

(Viết bằng chữ): Năm triệu bốn trăm nghìn đồng chẵn.

Ngày 01 tháng 12 năm 2014.

Giám đốc	Kế toán trưởng	Người nộp	Người lập phiếu	Thủ quỹ
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

(Nguồn: phòng kế toán công ty TNHH Đức Tài)

Ví dụ 2: Ngày 01/12/2014: Công ty xuất kho Thẻ cào Access+ 3T, Thẻ cào Access+ 6T, Đầu K+ Premium 3T HD, Đầu K+ Premium 3T SD bán cho Doanh nghiệp tư nhân Trường Thoa tổng giá thanh toán là 133.920.000 đồng (thuế VAT 10%) theo hóa đơn GTGT 0000772, khách hàng đã thanh toán qua chuyển khoản.

➤ *Trình tự chứng từ:*

- Khi bán hàng kế toán lập HĐ GTGT số 0000772 (Biểu số 2.3).
- Khách hàng thanh toán ngay qua chuyển khoản, chứng từ thể hiện việc đã thanh toán là giấy báo có (Biểu số 2.4).
- Căn cứ vào HĐ GTGT số 0000772 và giấy báo có kế toán công ty ghi nhận bút toán giá bán vào sổ Nhật ký chung (Biểu số 2.6).

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.3: Hóa đơn GTGT số 0000772

Mẫu số: 01GTKT-3/001 HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG Ký hiệu: AA/14P Số:0000772 (Liên 3: Nội bộ) Ngày 01 tháng 12 năm 2014					
Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH Đức Tài MST: 0200590589 Địa chỉ: 42 Lương Khánh Thiện – HP Điện thoại: 0313920768 Số TK: 19025758594010 tại Ngân hàng: Techcombank					
Đơn vị mua hàng: Doanh nghiệp tư nhân Trường Thoa MST: 0200170538 Hình thức thanh toán: Chuyển khoản. Địa chỉ: Số 12 Chợ Sắt, Phường Phạm Hồng Thái, Quận Hồng Bàng, Thành phố Hải Phòng. Số TK: tại Ngân hàng.					
TT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4x5
01	Thẻ cào Access+ 3T	Cái	30	216.364	6.490.920
02	Thẻ cào Access+ 6T	Cái	30	432.727	12.981.810
03	Đầu K+ Premium 3T HD	Bộ	30	2.031.818	60.954.540
04	Đầu K+ Premium 3T SD	Bộ	30	1.377.273	41.318.190
Cộng tiền hàng:					121.745.460
Thuế suất thuế GTGT: 10%			Tiền thuế GTGT:		12.174.540
Tổng cộng tiền thanh toán:					133.920.000
Số tiền viết bằng chữ: Một trăm ba mươi ba triệu chín trăm hai mươi nghìn đồng chẵn.					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)

(Nguồn: phòng kế toán công ty TNHH Đức Tài)

Biểu số 2.4 : Giấy báo có số 1655091219887

Ngân hàng: Techcombank Hải Phòng 69 Điện Biên Phủ, Hồng Bàng, Hải Phòng 1655091219887	Mẫu số 01GTKT2/003 Ký hiệu: AA/14T Số:						
<p>PHIẾU BÁO CÓ (Kiêm hóa đơn thu phí dịch vụ) Liên 2: Giao khách hàng Ngày 01 tháng 12 năm 2014</p>							
Tên khách hàng: Công ty TNHH Đức Tài Địa chỉ: 42 Lương Khánh Thiện – Ngõ Quyền - Hải Phòng. Mã số thuế: 02 02 002 012 Số ID khách hàng: 25758594	Số tài khoản: 19025758594010 Loại tiền: VNĐ Loại tài khoản: Tiền gửi Số bút toán hạch toán: FT1335 A01005797/XNV						
Chúng tôi xin thông báo đã ghi có tài khoản của quý khách số tiền theo chi tiết sau:							
<table border="1" style="width: 100%; border-collapse: collapse;"> <thead> <tr> <th style="width: 60%;">Nội dung</th> <th>Số tiền</th> </tr> </thead> <tbody> <tr> <td>Thanh toán tiền hàng</td> <td style="text-align: right;">133.920.000</td> </tr> <tr> <td>Tổng số tiền</td> <td style="text-align: right;">133.920.000</td> </tr> </tbody> </table>		Nội dung	Số tiền	Thanh toán tiền hàng	133.920.000	Tổng số tiền	133.920.000
Nội dung	Số tiền						
Thanh toán tiền hàng	133.920.000						
Tổng số tiền	133.920.000						
Số tiền bằng chữ: Một trăm ba mươi ba triệu chín trăm hai mươi nghìn đồng chẵn.							
Trích yếu: Thanh toán tiền hàng: Doanh nghiệp tư nhân Trường Thoa.							
Lập phiếu (ký, họ tên)	Kiểm soát (ký, họ tên)	Kế toán trưởng (ký, họ tên)					

(Nguồn: phòng kế toán công ty TNHH Đức Tài)

Ví dụ 3: Ngày 01.12.2014: Công ty xuất kho Thẻ cào Access+ 3T, Thẻ cào Access+ 6T, Đầu K+ Access 3T SD bán chịu cho Cục hậu cần bộ tư lệnh hải quân tổng giá thanh toán 78.918.000 đồng (thuế VAT 10%) theo hóa đơn GTGT 0000773.

➤ *Trình tự chứng từ :*

- Khi bán hàng kế toán lập HĐ GTGT số 0000773 (Biểu số 2.5).
- Căn cứ vào HĐ GTGT số 0000773 kế toán ghi nhận bút toán giá bán vào sổ nhật ký chung (Biểu số 2.6).

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.5: HD GTGT số 0000773

Mẫu số: 01GTKT-3/001					
HÓA ĐƠN GIÁ TRỊ GIA TĂNG					
(Liên 3: Nội bộ)				Ký hiệu: AA/14P	
Ngày 01 tháng 12 năm 2014				Số:0000773	
Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH Đức Tài					
MST: 0200590589					
Địa chỉ: 42 Lương Khánh Thiện – HP			Điện thoại: 0313920768		
Số TK: 19025758594010			tại Ngân hàng: Techcombank		
Đơn vị mua hàng: Cục hậu cần bộ tư lệnh hải quân.					
MST:			Hình thức thanh toán: CK/TM		
Địa chỉ: 38 Điện Biên Phủ, Hồng Bàng, Hải Phòng.					
Số TK: tại Ngân hàng:					
TT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Đầu K+ Access 3T	Bộ	42	1.059.091	44.481.822
2	Thẻ cào Access 3T	Cái	42	216.363	9.087.246
3	Thẻ cào Access 6T	Cái	42	432.727	18.174.534
Cộng tiền hàng:					71.743.602
Thuế suất thuế GTGT: 10%			Tiền thuế GTGT:		7.174.398
Tổng cộng tiền thanh toán:				78.918.000	
Số tiền viết bằng chữ: Bảy mươi tám triệu chín trăm mười tám ngàn đồng chẵn.					
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên)		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)	
<i>(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập, giao, nhận hóa đơn)</i>					

(Nguồn: phòng kế toán công ty TNHH Đức Tài)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.6: Sổ nhật kí chung

Đơn vị: Công ty TNHH Đức Tài
Địa chỉ: 42 Lương Khánh Thiện, HP

Mẫu số: S03a – DNN
 (Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC
 Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

TRÍCH NHẬT KÍ CHUNG **NĂM 2014**

Đơn vị tính: đồng

Chứng Từ	Ngày Tháng	Diễn giải	Số hiệu TK	Nợ	Có
...
HD 771	01.12.2014	Xuất hàng bán cho công ty TNHH 1 TV bóng đá Quảng Ninh	111	5.400.000	
HD 771	01.12.2014		511		4.909.090
PT01/12	01.12.2014		3331		490.910
HD 772	01.12.2014	Xuất hàng bán cho DN tư nhân Trường Thoa	112	133.920.000	
HD 772	01.12.2014		511		121.754.460
BC	01.12.2014		3331		12.174.540
HD 773	01.12.2014	Xuất hàng bán cho Cục hậu cần BTL hải quân	131	78.918.000	
HD 773	01.12.2014		511		71.743.602
	01.12.2014		3331		7.174.398
...
		Cộng lũy kế năm 2014		<u>471.068.440.163</u>	<u>471.068.440.163</u>

(Nguồn: phòng kế toán công ty TNHH Đức Tài)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Căn cứ vào sổ Nhật ký chung kế toán phản ánh vào sổ cái TK 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ (Biểu số 2.7).

Biểu số 2.7: Sổ cái TK 511

Đơn vị: Công ty TNHH Đức Tài
Địa chỉ: 42 Lương Khánh Thiện- HP

Mẫu số: S03b – DNN
(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC
Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

TRÍCH SỔ CÁI **(Dùng cho hình thức kế toán nhật ký chung)**

Năm: 2014

Tên tài khoản: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Số hiệu: 511

Đơn vị tính: đồng

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
			<u>Số dư đầu năm</u>			
.....
01.12	HĐ771	01.12	Doanh thu BH HĐ 771	111		4.909.090
01.12	HĐ772	01.12	Doanh thu BH HĐ 772	112		121.754.460
01.12	HĐ773	01.12	Doanh thu BH HĐ 773	131		71.743.602
.....
31.12	PKT 05	31.12	Kết chuyển doanh thu BH & CCDV năm 2014	911	59.026.250.132	
			Cộng số phát sinh quý 4			
			Cộng lũy kế từ đầu năm		59.026.250.132	59.026.250.132
			<u>Số dư cuối năm</u>			

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: phòng kế toán công ty TNHH Đức Tài)

2.2.1.2 Nội dung hạch toán kế toán giá vốn hàng bán.

- Chứng từ sử dụng
- + Phiếu xuất kho
 - Tài khoản sử dụng
- + TK 632: Giá vốn hàng bán
- + Các TK khác có liên quan: TK 156
 - Sổ sách sử dụng
- + Sổ cái TK 632
- + Sổ nhật ký chung
 - Nội dung hạch toán

Ví dụ 1: Ngày 01/12/2014: Công ty xuất kho 1 Bộ đầu thu K+ gói HD 3T bán cho Công ty TNHH 1TV Bóng đá Quảng Ninh theo hóa đơn GTGT 0000771.

➤ *Trình tự chứng từ:*

Dựa vào sổ chi tiết hàng hóa mở cho Đầu K+ Premium 3T HD (Biểu số 2.8) kế toán tính giá vốn hàng xuất kho theo phương pháp nhập trước xuất trước như sau:

- Đầu tháng 12 tồn 52 bộ thiết bị K+ Pre 3T HD với đơn giá 2.031.818 VND/bộ.
=> Giá vốn xuất kho 02 bộ thiết bị K+ Pre 3T HD ngày 01/12/2014 được tính theo giá hàng tồn đầu kỳ là 2.031.818 VND/bộ.
- Khi khách đến mua hàng kế toán lập phiếu xuất kho số 01/12 (Biểu số 2.9).
- Căn cứ vào phiếu xuất kho số 01/12 kế toán ghi nhận bút toán giá vốn hàng bán vào sổ nhật ký chung (Biểu số 2.12).

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.8: Sổ chi tiết vật liệu, dụng cụ, sản phẩm, hàng hóa.

Đơn vị: Công ty TNHH Đức Tài
Địa chỉ: 42 Lương Khánh Thiện

Mẫu số: S07 - DNN
(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC
Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

TRÍCH SỔ CHI TIẾT VẬT LIỆU, DỤNG CỤ (SẢN PHẨM, HÀNG HÓA)

Tháng 12 năm 2014

Tài khoản: 156

Tên, quy cách nguyên liệu, vật liệu, công cụ, dụng cụ (sản phẩm, hàng hóa): **Đầu K+ Premium 3T HD.**

Đơn vị tính: Bộ

Chứng từ		Diễn giải	TKĐƯ	Đơn giá	Nhập		Xuất		Tồn		Ghi chú
Số hiệu	Ngày tháng				Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	Số lượng	Thành tiền	
A	B	C	D	1	2	3=1x2	4	5=1x4	6	7=1x6	8
		Số dư đầu kỳ		2.031.818					52	105.654.536	
PXK 01/12	01.12	Xuất hàng hóa đơn 771.	632	2.031.818			02	4.063.636	50	101.590.900	
PXK 02/12	01.12	Xuất hàng hóa đơn 772.	632	2.031.818			30	60.954.540	20	40.636.360	
...
		Cộng tháng	x	x	310	629.863.580	311	631.895.398	51	103.622.718	

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Giám đốc
(Ký, họ tên, giám đốc)

(Nguồn: phòng kế toán công ty TNHH Đức Tài)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.9: Phiếu xuất kho 01/12.

Đơn vị: Công ty TNHH Đức Tài

Mẫu số: 02 - VT

Bộ phận:

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC
Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU XUẤT KHO

Nợ: TK 632: 4.063.636

Số: 01/12

Có: TK 156: 4.063.636

Ngày 01 tháng 12 năm 2014

- Họ và tên người nhận hàng: Vũ Văn Phong Bộ phận:
- Lý do xuất kho: Bán lẻ.
- Xuất tại kho: 42 Lương Khánh Thiện, Ngô Quyền, Hải Phòng.

TT	Tên, nhãn hiệu quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ sản phẩm, hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo chứng từ	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Đầu K+ Premium 3T HD		Bộ	02	02	2.031.818	4.063.636
	Cộng						4.063.636

- Tổng số tiền (viết bằng chữ): Bốn triệu không trăm sáu mươi ba nghìn sáu trăm ba mươi sáu đồng.

Ngày 01 tháng 12 năm 2014

Người lập phiếu
(Ký, họ tên)

Người nhận hàng
(Ký, họ tên)

Thủ kho
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

(Nguồn: phòng kế toán công ty TNHH Đức Tài)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Ví dụ 2: Ngày 01/12/2014: Công ty xuất kho Thẻ cào Access+ 3T, Thẻ cào Access+ 6T, Dầu K+ Premium 3T HD, Dầu K+ Premium 3T SD bán cho Doanh nghiệp tư nhân Trường Thoa theo hóa đơn GTGT 0000772.

➤ *Trình tự chứng từ:*

- Khi khách đến mua hàng kế toán lập phiếu xuất kho số 02/12 (Biểu số 2.10).
- Căn cứ vào phiếu xuất kho số 02/12 kế toán công ty ghi nhận bút toán giá vốn hàng bán vào sổ Nhật ký chung (Biểu số 2.12).

Biểu số 2.10: Phiếu xuất kho 02/12.

Đơn vị: Công ty TNHH Đức Tài		Mẫu số: 02 - VT					
Bộ phận:		(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)					
PHIẾU XUẤT KHO		<i>Nợ: TK 632:121.254.540</i>					
Số 02/12		<i>Có: TK 156:121.254.540</i>					
Ngày 01 tháng 12 năm 2014							
- Họ và tên người nhận hàng: Muu Bích Thoa		Bộ phận:					
- Lý do xuất kho: Bán buôn.							
- Xuất tại kho: 42 Lương Khánh Thiện, Ngô Quyền, Hải Phòng.							
STT	Tên, nhãn hiệu quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ sản phẩm, hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo chứng từ	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
01	Thẻ cào Access+ 3T		Cái	30	30	210.909	6.327.270
02	Thẻ cào Access+ 6T		Cái	30	30	421.818	12.654.540
03	Đầu K+ Premium 3T HD		Bộ	30	30	2.031.818	60.954.540
04	Đầu K+ Premium 3T SD		Bộ	30	30	1.377.273	41.318.190
	Cộng						121.254.540

- Tổng số tiền (viết bằng chữ): Một trăm hai mươi một triệu hai trăm năm mươi tư nghìn năm trăm bốn mươi đồng.

Ngày 01 tháng 12 năm 2014

Người lập phiếu	Người nhận hàng	Thủ kho	Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

(Nguồn: phòng kế toán công ty TNHH Đức Tài)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Ví dụ 3: Ngày 02.12.2014: Công ty xuất kho Thẻ cào Access+ 3T, Thẻ cào Access+ 6T, Đầu K+ Access 3T SD bán chịu cho Cục hậu cần bộ tư lệnh hải quân theo hóa đơn GTGT 0000773.

➤ *Trình tự chứng từ :*

- Khi khách đến mua hàng kế toán lập phiếu xuất kho số 03/12 (Biểu số 2.11).
- Căn cứ vào phiếu xuất kho 03/12 kế toán ghi nhận bút toán giá vốn hàng bán vào sổ nhật ký chung (Biểu số 2.12).

Biểu số 2.11: Phiếu xuất kho 03/12.

Đơn vị: Công ty TNHH Đức Tài		Mẫu số: 02 - VT					
Bộ phận:		(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)					
PHIẾU XUẤT KHO		<i>Nợ: TK 632:71.056.356</i>					
Số 03/12		<i>Có: TK 156: 71.056.356</i>					
Ngày 01 tháng 12 năm 2014							
- Họ và tên người nhận hàng: Đỗ Duy Hiếu		Bộ phận:					
- Lý do xuất kho: Bán buôn.							
- Xuất tại kho: 42 Lương Khánh Thiện, Ngô Quyền, Hải Phòng.							
STT	Tên, nhãn hiệu quy cách, phẩm chất vật tư, dụng cụ sản phẩm, hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo chứng từ	Thực xuất		
A	B	C	D	1	2	3	4
01	Thẻ cào Access+ 3T		Cái	42	42	210.909	8.858.178
02	Thẻ cào Access+ 6T		Cái	42	42	421.818	17.716.356
03	Đầu K+ Access 3T SD		Bộ	42	42	1.059.091	44.481.822
	Cộng						71.056.356
- Tổng số tiền (viết bằng chữ): Bảy mươi một triệu không trăm năm mươi sáu nghìn ba trăm năm mươi sáu đồng.							
				<i>Ngày 01 tháng 12 năm 2014</i>			
Người lập phiếu		Người nhận hàng		Thủ kho		Kế toán trưởng	
(Ký, họ tên)		(Ký, họ tên)		(Ký, họ tên)		(Ký, họ tên)	

(Nguồn: phòng kế toán công ty TNHH Đức Tài)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.12: Sổ nhật kí chung

Đơn vị: Công ty TNHH Đức Tài
Địa chỉ: 42 Lương Khánh Thiện, HP

Mẫu số: S03a – DNN
 (Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC
 Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

TRÍCH NHẬT KÍ CHUNG NĂM 2014

Đơn vị tính: đồng

Chứng Từ	Ngày Tháng	Diễn giải	Số hiệu TK	Nợ	Có
...
PX01/12	01.12.2014	Xuất hàng bán cho công ty TNHH 1 TV bóng đá Quảng Ninh	632	4.063.636	
PX01/12	01.12.2014		156		4.063.636
HĐ 771	01.12.2014		111	5.400.000	
HĐ 771	01.12.2014		511		4.909.090
PT01/12	01.12.2014		3331		490.910
PX02/12	01.12.2014	Xuất hàng bán cho DN tư nhân Trường Thoa	632	121.254.540	
PX02/12	01.12.2014		156		121.254.540
HĐ 772	01.12.2014		112	133.920.000	
HĐ 772	01.12.2014		511		121.754.460
BC	01.12.2014		3331		12.174.540
PX03/12	01.12.2014	Xuất hàng bán cho Cục hậu cần BTL hải quân	632	71.056.356	
PX03/12	01.12.2014		156		71.056.356
HĐ 773	01.12.2014		131	78.918.000	
HĐ 773	01.12.2014		511		71.743.602
	01.12.2014		3331		7.174.398
...
		Cộng lũy kế năm 2014		<u>471.068.440.163</u>	<u>471.068.440.163</u>

(Nguồn: phòng kế toán công ty TNHH Đức Tài)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Căn cứ vào sổ Nhật ký chung kế toán phản ánh vào sổ cái TK 632 – Giá vốn hàng bán (Biểu số 2.13).

Biểu số 2.13: Sổ cái TK 632

Đơn vị: Công ty TNHH Đức Tài
Địa chỉ: 42 Lương Khánh Thiện- HP

Mẫu số: S03b – DNN
(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC
Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

TRÍCH SỔ CÁI **(Dùng cho hình thức kế toán nhật ký chung)**

Năm: 2014

Tên tài khoản: Giá vốn hàng bán

Số hiệu: 632

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
			<u>Số dư đầu năm</u>			
.....
01.12	PX01/12	01.12	Giá vốn HB HĐ 771	156	4.063.636	
01.12	PX02/12	01.12	Giá vốn HB HĐ 772	156	121.254.540	
01.12	PX03/12	01.12	Giá vốn HB HĐ 773	156	71.056.356	
.....
31.12	PKT 06	31.12	Kết chuyển GVHB năm 2014	911		57.283.675.533
			Cộng lũy kế từ đầu năm		57.283.675.533	57.283.675.533
			<u>Số dư cuối năm</u>			

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: phòng kế toán công ty TNHH Đức Tài)

2.2.1.3 Nội dung hạch toán chi phí quản lý kinh doanh tại công ty TNHH Đức Tài.

- Chứng từ sử dụng
- + Hóa đơn GTGT
- + Phiếu chi, ủy nhiệm chi...
- + Các chứng từ khác có liên quan: Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội
 - Tài khoản sử dụng
- + TK 642: Chi phí quản lý kinh doanh
 - Sổ sách sử dụng
- + Sổ cái TK 642
- + Sổ nhật ký chung
 - Nội dung hạch toán

Ví dụ 1: Ngày 01/12/2014: Công ty chi tiền mặt trả cho Tập đoàn viễn thông quân đội, thanh toán tiền cước điện thoại số tiền là 207.799 đồng (thuế VAT 10%).

➤ *Trình tự chứng từ:*

- Dựa vào HĐ GTGT số 0475709 (Biểu số 2.14), kế toán viết phiếu chi số 01/12 (Biểu số 2.15) để thanh toán tiền điện thoại.
- Căn cứ trên HĐ GTGT số 0475709 và phiếu chi 01/12 kế toán công ty ghi sổ Nhật ký chung (Biểu số 2.17).

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.14: Hóa đơn tiền điện thoại số 0475709

HÓA ĐƠN DỊCH VỤ VIỄN THÔNG (GTGT)

Mẫu số: 01GTKT2/003
 Ký hiệu: AG/14T
 Số: 0475709

TẬP ĐOÀN VIỄN THÔNG QUÂN ĐỘI
 Số 1 đường Trần Hữu Dực, Phường Mỹ Đình 2, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam. Thùng số: 00238

MST: 01 001091016
 Số TK: _____ Tại ngân hàng: _____

Đơn vị thu: CN Viettel Hải Phòng - Tập đoàn Viễn Thông Quân Đội
 Tên khách hàng: _____ MST: 02 00590589
 Tên đơn vị: Cty TNHH Đức Tài
 Địa chỉ: Số 42, Lương Khánh Thiện Ngô Quyền Hải Phòng

Số thuê bao: 316502772 Kỳ cước: Từ ngày 01/11/2014 đến ngày 30/11/2014
 Số hợp đồng: 19598/1100028002/18062012 Hình thức thanh toán: Tiền mặt

STT	DIỄN GIẢI	MÃ DV	TIỀN DỊCH VỤ	THUẾ SUẤT(%)	TIỀN THUẾ	CỘNG
a	b	c	1	2	3 = 1 x 2	4 = 1 + 3
1	Cước chịu thuế	H	188.908	10	18.891	207.799
2	Cước không chịu thuế	H	0			0
CỘNG			188.908		18.891	207.799

TỔNG CỘNG TIỀN THANH TOÁN: 207.799
SỐ TIỀN VIẾT BẰNG CHỮ: Hai trăm lẻ bảy nghìn bảy trăm chín mươi chín đồng chẵn

Ngày tháng năm
 Người nộp tiền
 (Ký, ghi rõ họ, tên)

Ngày 01 tháng 12 năm 2014
 Nhân viên giao dịch
 (Ký, ghi rõ họ, tên)
Phạm Thị Thanh
 01685669732

(In bởi Phần mềm hóa đơn tự in của Trung tâm Giải pháp Công nghệ thông tin và Viễn thông Viettel - MST: 0100109106-458)

Biểu số 2.15: Phiếu chi tiền mặt số 01/12.

Đơn vị: Công ty TNHH Đức Tài **Mẫu số: 02 - TT**
Địa chỉ: 42 Lương Khánh Thiện-HP (Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC
 Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU CHI
 Ngày 01 tháng 12 năm 2014
 Số: 01/12

Họ và tên người nhận tiền: Phạm Thị Thanh – Tập đoàn viễn thông quân đội.
 Địa chỉ: Lê Hồng Phong, Thành Tô, Hải An, Hải Phòng
 Lý do chi: Thanh toán cước điện thoại.
 Số tiền: 207.799 VND
 (Viết bằng chữ): Hai trăm linh bảy nghìn bảy trăm chín mươi chín nghìn đồng.

Ngày 01 tháng 12 năm 2014.

Giám đốc (Ký, họ tên, đóng dấu)	Kế toán trưởng (Ký, họ tên)	Thủ quỹ (Ký, họ tên)	Người lập phiếu (Ký, họ tên)	Người nhận tiền (Ký, họ tên)
--	---------------------------------------	--------------------------------	--	--

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Ví dụ 2: Ngày 31/12/2014: Dựa vào bảng phân bổ tiền lương (Biểu số 2.16) kế toán công ty ghi nhận bút toán tiền lương phải trả cho nhân viên và các khoản trích theo lương tháng 12/2014 vào sổ Nhật ký chung (Biểu số 2.17).

Biểu số 2.16: Bảng phân bổ tiền lương và tiền bảo hiểm xã hội

BẢNG PHÂN BỐ TIỀN LƯƠNG VÀ BẢO HIỂM XÃ HỘI

Tháng 12 năm 2014

TT	Ghi có TK Ghi nợ TK	TK334 – Phải trả người lao động		Lương trích bảo hiểm	TK 338 – Phải trả, phải nộp khác				TỔNG	
		Lương hợp đồng	Cộng có TK 334		BHXH	BHYT	BHTN	Kinh phí CD		Cộng có TK 338
					26%	4.5%	2%	2%		
1	TK 642 – CP quản lý kinh doanh	82.320.442	82.320.442	66.350.000	11.943.000	1.990.500	663.500	1.327.000	15.924.000	98.244.442
2	TK 334 – Phải trả người lao động	-	-	-	5.308.000	995.250	663.500	-	6.966.750	6.966.750
	Cộng	82.320.442	82.320.442	66.350.000	17.251.000	2.985.750	1.327.000	1.327.000	22.890.750	105.211.192

(Nguồn: phòng kế toán công ty TNHH Đức Tài)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.17: Sổ nhật kí chung

Đơn vị: Công ty TNHH Đức Tài
Địa chỉ: 42 Lương Khánh Thiện, HP

Mẫu số: S03a – DNN
 (Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC
 Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

TRÍCH NHẬT KÍ CHUNG NĂM 2014

Đơn vị tính: đồng

Chứng Từ	Ngày Tháng	Diễn giải	Số hiệu TK	Nợ	Có
...
HĐ 0475709	01.12.2014	Thanh toán cước điện thoại bằng tiền mặt	642	188.908	
			113	18.891	
PC01/12			111		207.799
...
BPBLT12	31.12.2014	Lương phải trả cho nhân viên T12/2014	642	82.320.442	
			334		82.320.442
		Các khoản trích theo lương T12/2014	642	15.924.000	
			334	6.966.750	
			338		22.890.750
PKT 29	31.12.2014	Kết chuyển chi phí quý IV/2014	911	58.352.826.204	
			632		57.283.675.533
			642		1.069.150.671
...
		Cộng lũy kế năm 2014		<u>471.068.440.163</u>	<u>471.068.440.163</u>

(Nguồn: phòng kế toán công ty TNHH Đức Tài)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Căn cứ vào sổ Nhật ký chung kế toán phản ánh vào sổ cái TK 642 – Chi phí quản lý kinh doanh (Biểu số 2.18).

Biểu số 2.18: Sổ cái TK 642

Đơn vị: Công ty TNHH Đức Tài
Địa chỉ: 42 Lương Khánh Thiện- HP

Mẫu số: S03b – DNN
 (Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC
 Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

TRÍCH SỔ CÁI **(Dùng cho hình thức kế toán nhật ký chung)**

Năm: 2014

Tên tài khoản: Chi phí quản lý kinh doanh

Số hiệu: 642

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
			<u>Số dư đầu năm</u>			
.....
01.12	HĐ 0475709	01.12	Thanh toán cước điện thoại bằng tiền mặt	111	188.908	
.....
31.12	BPBLT12	31.12	Lương CNV T12	334	82.320.442	
31.12	BPBLT12	31.12	Các khoản trích theo lương	338	15.924.000	
31.12	PKT 06	31.12	Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh năm 2014	911		1.069.150.671
			Cộng lũy kế từ đầu năm		1.069.150.671	1.069.150.671
			<u>Số dư cuối năm</u>			

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: phòng kế toán công ty TNHH Đức Tài)

2.2.2 Nội dung hạch toán doanh thu, chi phí tài chính tại công ty TNHH Đức Tài.

- Chứng từ sử dụng
- + Sổ phụ ngân hàng
- + Giấy báo nợ, Giấy báo có.
 - Sổ sách sử dụng
- + Sổ cái TK 515, TK 635
- + Sổ nhật ký chung
 - Tài khoản sử dụng
- + TK 515: Doanh thu hoạt động tài chính
- + TK 635: Chi phí tài chính
 - Nội dung hạch toán

Ví dụ 1: Ngày 31/12/2014 công ty nhận được sổ phụ khách hàng Techcombank thông báo Lãi tiền gửi ngân hàng Techcombank tháng 12/2014 là 73.654 đồng.

➤ *Trình tự chứng từ:*

Căn cứ vào sổ phụ khách hàng (Biểu số 2.19) từ ngân hàng Techcombank kế toán ghi sổ nhật ký chung (Biểu số 2.20).

Biểu số 2.19: Sổ phụ khách hàng ngân hàng Techcombank.

NGÂN HÀNG TMCP KỸ THƯƠNG VIỆT NAM
HPG – TCB HAIPHONG

Trang 2/2



TRÍCH SỔ PHỤ KHÁCH HÀNG

(Ngày 31/12/2014)

Số tài khoản: **190.25758594.01.0**

Loại tiền: **VND**

Loại tài khoản: TIEN GUI THANH TOAN

Khách hàng: CONG TY TNHH DUC TAI

Số ID khách hàng: 25758594

Ngày giao dịch	Diễn giải	Số bút toán	Nợ	Có	Số dư
...
31/12/2014	Tra lại số dư trên tài khoản – tháng 12/2014	19025758594 010-20		73.654,00	8.677.654,00
...
Tổng doanh số			2.730.872.685	2.703.439.110	
Số dư cuối kỳ				2.936.377,00	

(Nguồn: phòng kế toán công ty TNHH Đức Tài)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.20: Sổ nhật kí chung

Đơn vị: Công ty TNHH Đức Tài
Địa chỉ: 42 Lương Khánh Thiện, HP

Mẫu số: S03a – DNN
(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC
Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

TRÍCH NHẬT KÍ CHUNG NĂM 2014

Đơn vị tính: đồng

Chứng Từ	Ngày Tháng	Diễn giải	Số hiệu TK	Nợ	Có
...
SPKH	31.12.2014	Lãi tiền gửi ngân hàng Techcombank T12/2014	112	73.654	
			515		73.654
...
PKT 28	31.12.2014	Kết chuyển doanh thu năm 2014	511	59.026.250.132	
			515	485.805	
			911		59.026.735.937
...
		Cộng lũy kế năm 2014		<u>471.068.440.163</u>	<u>471.068.440.163</u>

(Nguồn: phòng kế toán công ty TNHH Đức Tài)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Căn cứ vào sổ Nhật ký chung kế toán phản ánh vào sổ cái TK 515 – Doanh thu hoạt động tài chính (Biểu số 2.21).

Biểu số 2.21: Sổ cái TK 515

Đơn vị: Công ty TNHH Đức Tài
Địa chỉ: 42 Lương Khánh Thiện- HP

Mẫu số: S03b – DNN
(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC
Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

TRÍCH SỔ CÁI
(Dùng cho hình thức kế toán nhật ký chung)
Năm: 2014
Tên tài khoản: Doanh thu hoạt động tài chính
Số hiệu: 515

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
			<u>Số dư đầu năm</u>			
.....
31.12	SPKH	31.12	Lãi TGNH Vietcombank	112		73.654
31.12	PKT05	31.12	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính năm 2014	911	485.805	
			Cộng lũy kế từ đầu năm		485.805	485.805
			<u>Số dư cuối năm</u>			

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: phòng kế toán công ty TNHH Đức Tài)

2.2.3 Tổng hợp doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Đức Tài.

- Chứng từ sử dụng
- + Phiếu kế toán
 - Tài khoản sử dụng
- + TK 421: Lợi nhuận chưa phân phối
- + TK 821: Chi phí thuế TNDN
- + TK 911: Kết quả kinh doanh
 - Sổ sách sử dụng
- + Sổ cái TK 421, TK 821, TK 911.
- + Sổ nhật ký chung
 - Nội dung hạch toán

Cuối năm, căn cứ vào số liệu trên sổ cái TK 511, 515 kế toán tiến hành lập phiếu kế toán số 05 phản ánh việc kết chuyển doanh thu, thu nhập (Biểu số 2.22).

Biểu số 2.22: Phiếu kế toán số 05

PHIẾU KẾ TOÁN			
Ngày 31 tháng 12 năm 2014			
Số 05			
Diễn giải	TK nợ	TK có	Phát sinh
Kết chuyển doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	511	911	59.026.250.132
Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính	515	911	485.805
Tổng			59.026.735.937

Số tiền bằng chữ: Năm mươi chín tỷ không trăm hai mươi sáu triệu bảy trăm ba mươi lăm nghìn chín trăm ba mươi bảy đồng.

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người lập biểu
(ký, họ tên)

Cuối quý, căn cứ vào số liệu trên sổ cái TK 632, 642 kế toán tiến hành lập phiếu kế toán số 06 phản ánh việc kết chuyển chi phí kinh doanh (Biểu số 2.23).

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.23: Phiếu kế toán số 06

PHIẾU KẾ TOÁN			
Ngày 31 tháng 12 năm 2014			
Số 06			
Diễn giải	TK nợ	TK có	Phát sinh
Kết chuyển giá vốn hàng bán	911	632	57.283.675.533
Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp	911	642	1.069.150.671
Tổng			58.352.826.204

Số tiền bằng chữ: Năm mươi tám tỷ ba trăm năm mươi hai triệu tám trăm hai mươi sáu nghìn hai trăm linh tư đồng.

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Kế toán trưởng (ký, họ tên)	Người lập biểu (ký, họ tên)
---------------------------------------	---------------------------------------

Căn cứ vào phiếu kế toán số 05 và phiếu kế toán số 06, kế toán ghi vào sổ nhật ký chung (Biểu số 2.27).

Căn cứ vào sổ Nhật ký chung, kế toán ghi sổ cái TK 511 (Biểu số 2.7), TK 515 (Biểu số 2.21), TK 632 (Biểu số 2.13), TK 642 (Biểu số 2.18), TK 911 (Biểu số 2.28).

Căn cứ vào sổ cái TK 911, kế toán xác định số lợi nhuận trước thuế TNDN, từ đó lập phiếu kế toán số 07 phản ánh số thuế TNDN phải nộp năm 2014 như biểu số (Biểu số 2.24).

Biểu số 2.24: Phiếu kế toán số 07

PHIẾU KẾ TOÁN			
Ngày 31 tháng 12 năm 2014			
Số 07			
Diễn giải	TK nợ	TK có	Phát sinh
Thuế TNDN tạm tính phải nộp năm 2014	821	3334	134.781.947
Tổng			134.781.947

Số tiền bằng chữ: Một trăm ba mươi tư triệu bảy trăm tám mươi một nghìn chín trăm bốn mươi bảy đồng.

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Kế toán trưởng (ký, họ tên)	Người lập biểu (ký, họ tên)
---------------------------------------	---------------------------------------

Căn cứ vào phiếu kế toán số 07 kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung (Biểu số 2.27).

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Căn cứ vào sổ Nhật ký chung kế toán ghi sổ cái TK 821 (Biểu số 2.29).

Căn cứ vào sổ cái TK 821, kế toán xác định số chi phí thuế TNDN cần kết chuyển, từ đó lập phiếu kế toán số 08 phản ánh việc kết chuyển chi phí thuế TNDN năm 2014 như biểu số (Biểu số 2.25).

Biểu số 2.25: Phiếu kế toán số 08

PHIẾU KẾ TOÁN			
Ngày 31 tháng 12 năm 2014			
Số 08			
Diễn giải	TK nợ	TK có	Phát sinh
Kết chuyển thuế TNDN phải nộp năm 2014	911	821	134.781.947
Tổng			134.781.947

Số tiền bằng chữ: Một trăm ba mươi tư triệu bảy trăm tám mươi một nghìn chín trăm bốn mươi bảy đồng.

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Kế toán trưởng (ký, họ tên)	Người lập biểu (ký, họ tên)
---------------------------------------	---------------------------------------

Căn cứ vào phiếu kế toán số 08 kế toán ghi vào sổ nhật ký chung (Biểu số 2.27).

Căn cứ vào sổ nhật ký chung kế toán ghi vào sổ cái TK 821, TK 911 như các biểu số 2.29, 2.28.

+ Căn cứ vào sổ cái TK 911 kế toán xác định số lợi nhuận sau thuế TNDN từ đó lập phiếu kế toán số 09 phản ánh số lợi nhuận sau thuế năm 2014 (Biểu số 2.26).

Biểu số 2.26: Phiếu kế toán số 09

PHIẾU KẾ TOÁN			
Ngày 31 tháng 12 năm 2014			
Số 09			
Diễn giải	TK nợ	TK có	Phát sinh
Lợi nhuận sau thuế năm 2014	911	421	539.127.786
Tổng			539.127.786

Số tiền bằng chữ: Năm trăm ba mươi chín triệu một trăm hai mươi bảy nghìn bảy trăm tám mươi sáu đồng.

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Kế toán trưởng (ký, họ tên)	Người lập biểu (ký, họ tên)
---------------------------------------	---------------------------------------

+ Căn cứ vào phiếu kế toán số 09 kế toán ghi vào sổ nhật ký chung (Biểu số 2.27).

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

+ Căn cứ vào sổ nhật ký chung kế toán ghi vào sổ cái TK 911, 421 như các biểu số 2.28, 2.30.

Biểu số 2.27: Sổ nhật ký chung

Đơn vị: Công ty TNHH Đức Tài

Mẫu số: S03a – DNN

Địa chỉ: 42 Lương Khánh Thiện, HP

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC

Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

TRÍCH NHẬT KÍ CHUNG NĂM 2014

Đơn vị tính: đồng

Chứng Từ	Ngày Tháng	Diễn giải	Số hiệu TK	Nợ	Có
...
PKT 05	31.12.2014	Kết chuyển doanh thu năm 2014	511	59.026.250.132	
			515	485.805	
			911		59.026.735.937
PKT 06	31.12.2014	Kết chuyển chi phí năm 2014	911	58.352.826.204	
			632		57.283.675.533
			642		1.069.150.671
PKT 07	31.12.2014	Thuế TNDN phải nộp năm 2014	821	134.781.947	
			3334		134.781.947
PKT 08	31.12.2014	Kết chuyển thuế TNDN phải nộp năm 2014	911	134.781.947	
			821		134.781.947
PKT 09	31.12.2014	Lợi nhuận sau thuế năm 2014	911	539.127.786	
			421		539.127.786
		Cộng lũy kế năm 2014		<u>471.068.440.163</u>	<u>471.068.440.163</u>

(Nguồn: phòng kế toán công ty TNHH Đức Tài)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.28: Sổ cái TK 911

Đơn vị: Công ty TNHH Đức Tài
Địa chỉ: 42 Lương Khánh Thiện- HP

Mẫu số: S03b – DNN
 (Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC
 Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

TRÍCH SỔ CÁI (Dùng cho hình thức kế toán nhật ký chung)

Năm: 2014
 Tên tài khoản: Kết quả kinh doanh
 Số hiệu: 911

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
			<u>Số dư đầu năm</u>			
31.12	PKT 05	31.12	Kết chuyển doanh thu BH&CCDV năm 2014	511		59.026.250.132
31.12	PKT 05	31.12	Kết chuyển doanh thu HĐ tài chính năm 2014	515		485.805
31.12	PKT 06	31.12	Kết chuyển giá vốn hàng bán năm 2014	632	57.283.675.533	
31.12	PKT 06	31.12	Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh năm 2014	642	1.069.150.671	
31.12	PKT 08	31.12	Kết chuyển thuế TNDN năm 4	821	134.781.947	
31.12	PKT 09	31.12	Lợi nhuận sau thuế năm 4	421	539.127.786	
			Cộng lũy kế từ đầu năm		59.026.735.937	59.026.735.937
			<u>Số dư cuối năm</u>			

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: phòng kế toán công ty TNHH Đức Tài)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.29: Sổ cái TK 821

Đơn vị: Công ty TNHH Đức Tài
Địa chỉ: 42 Lương Khánh Thiện- HP

Mẫu số: S03b – DNN
(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC
Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

TRÍCH SỔ CÁI **(Dùng cho hình thức kế toán nhật ký chung)**

Năm: 2014
Tên tài khoản: Thuế TNDN
Số hiệu: 821

Ngày, tháng ghi số	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
			<u>Số dư đầu năm</u>			
31.12	PKT 07	31.12	Thuế TNDN phải nộp năm 2014	3334	134.781.947	
31.12	PKT 08	31.12	Kết chuyển thuế TNDN năm 2014	911		134.781.947
			Cộng lũy kế từ đầu năm		134.781.947	134.781.947
			<u>Số dư cuối năm</u>			

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: phòng kế toán công ty TNHH Đức Tài)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 2.30: Sổ cái TK 421

Đơn vị: Công ty TNHH Đức Tài
Địa chỉ: 42 Lương Khánh Thiện- HP

Mẫu số: S03b – DNN
(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC
Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

TRÍCH SỔ CÁI (Dùng cho hình thức kế toán nhật ký chung)

Năm: 2014

Tên tài khoản: Lợi nhuận chưa phân phối

Số hiệu: 421

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK ĐƯ	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Nợ	Có
A	B	C	D	E	1	2
			<u>Số dư đầu năm</u>			<u>187.037.687</u>
31.12	PKT 09	31.12	Lợi nhuận sau thuế năm 2014	911		539.127.786
			Cộng lũy kế từ đầu năm		45.021.342	539.127.786
			<u>Số dư cuối năm</u>			<u>681.144.131</u>

Ngày 31 tháng 12 năm 2014

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

(Nguồn: phòng kế toán công ty TNHH Đức Tài)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Căn cứ vào sổ cái các TK 511 (biểu số 2.7), TK 515 (biểu số 2.21), TK 632 (biểu số 2.13), TK 642 (biểu số 2.18), TK 821 (biểu số 2.29), TK 911 (biểu số 2.28), TK 421 (biểu số 2.30), kế toán ghi vào bảng cân đối số phát sinh (Biểu số 2.33) nhằm kiểm tra tính chính xác của số liệu trước khi lập báo cáo tài chính .

Biểu số 2.31: Trích Bảng cân đối số phát sinh năm 2014

TT	Số hiệu TK	Tên TK	SDDK		SPS trong kì		SDCK	
			Nợ	Có	Nợ	Có	Nợ	Có
...
18	421	Lợi nhuận chưa phân phối		187.037.687	45.021.342	539.127.786		681.144.131
19	511	Doanh thu BH&CCDV			59.026.250.132	59.026.250.13		
20	515	Doanh thu hoạt động tài chính			485.805	485.805		
21	632	Giá vốn hàng bán			57.283.675.533	57.283.675.533		
22	642	Chi phí quản lý kinh doanh			1.069.150.671	1.069.150.671		
23	821	Chi phí thuế TNDN			134.781.947	134.781.947		
24	911	Xác định kết quả kinh doanh			59.026.735.937	59.026.735.937		
Tổng cộng			7.460.000.000	7.460.000.000	471.068.440.163	471.068.440.163	8.143.075.906	8.143.075.906

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Căn cứ vào bảng cân đối số phát sinh kế toán lập báo cáo kết quả kinh doanh (Biểu số 2.32).

Biểu số 2.32: Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2014

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.25	59.026.250.132	43.039.872.958
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	15.050.000
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10		59.026.250.132	43.024.822.958
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.27	57.283.675.533	41.762.152.290
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		1.742.574.599	1.262.670.668
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.26	485.805	1.816.016
7. Chi phí tài chính	22	VI.28	-	-
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		1.069.150.671	908.701.380
10 Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30		673.909.733	355.785.304
11. Thu nhập khác	31		-	-
12. Chi phí khác	32		-	-
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		-	-
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		673.909.733	355.785.304
phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.30	134.781.957	71.157.061
phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.30		
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		539.127.786	284.628.243
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	70		-	-

CHƯƠNG 3

MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH ĐỨC TÀI

3.1 Đánh giá thực trạng công tác kế toán nói chung và kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng tại công ty TNHH Đức Tài.

Qua thời gian tìm hiểu và tiếp cận thực tế về công tác kế toán được sự quan tâm giúp đỡ của các cô chú, anh chị trong công ty và với những kiến thức tiếp thu được ở trường, em nhận thấy công tác kế toán nói chung và công tác kế toán vốn bằng tiền nói riêng tại công ty có những ưu điểm và nhược điểm sau:

3.1.1 Ưu điểm

- Về công tác quản lý:

Bộ máy quản lý gọn nhẹ giúp công ty hoạt động dễ dàng nhanh chóng hơn.

Ban lãnh đạo công ty luôn quan tâm và động viên cán bộ trong công ty rèn luyện về đạo đức, tinh thần cũng như kỹ năng nghiệp vụ, khuyến khích họ đoàn kết phấn đấu đi lên.

- Về công tác kế toán:

Bộ máy kế toán của công ty được tổ chức gọn nhẹ phù hợp với yêu cầu quản lý của công ty, mỗi kế toán đều được phân công công việc rõ ràng, hoạt động một cách nề nếp. Các cán bộ kế toán nhiệt tình, yêu nghề, tiếp cận kịp thời với chế độ kế toán hiện hành. Trình độ của nhân viên không ngừng được nâng cao. Mỗi nhân viên kế toán đều có thể sử dụng được máy vi tính nên công việc kế toán được thực hiện nhanh chóng, số liệu chính xác.

- Về hệ thống chứng từ, tài khoản, sổ sách kế toán:

Hiện nay, công ty TNHH Đức Tài đang áp dụng hình thức nhật ký chung, hình thức này khá đơn giản về quá trình hạch toán và phù hợp với quy mô công ty.

Sổ sách công ty được ghi chép đầy đủ rõ ràng, chính xác.

Hệ thống sổ sách, chứng từ được luân chuyển lưu trữ một cách hợp lý và khoa học.

- Về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh:

Về tổ chức kế toán doanh thu: các nghiệp vụ kinh tế phát sinh làm doanh thu biến động được cập nhật đều đặn hàng ngày, phù hợp với các điều kiện ghi nhận doanh thu.

Về tổ chức kế toán chi phí: các chi phí phát sinh đều được ghi chép cẩn thận, đầy đủ giúp doanh nghiệp có thể quản lý các chi phí hợp lý, hợp lệ một cách chặt chẽ.

Về tổ chức kế toán xác định kết quả kinh doanh: đã đáp ứng phần nào về việc cung cấp thông tin về tình hình kinh doanh của công ty, giúp ban lãnh đạo công ty đưa ra các quyết định kinh doanh hiệu quả hơn trong tương lai.

3.1.2 Nhược điểm

Tuy vậy Công ty TNHH vẫn còn tồn tại nhiều hạn chế cần được khắc phục:

- *Về hệ thống sổ sách*

Công ty chưa mở rộng hệ thống sổ sách để hỗ trợ cho việc theo dõi đối chiếu số liệu như sổ chi tiết cho TK 511, TK 632...

- *Về khoản chiết khấu thương mại*

Tại công ty TNHH Đức Tài, có rất nhiều khách hàng mua hàng với số lượng lớn nhưng công ty lại chưa áp dụng chính sách chiết khấu thương mại đối với khách mua hàng.

- *Về công tác hiện đại hóa kế toán*

Hiện nay công ty đã sử dụng máy vi tính để lưu trữ số liệu và sổ sách nhưng vẫn chỉ là thực hiện phần mềm thông thường như: word, excel chứ chưa có một phần mềm riêng biệt để phục vụ công tác kế toán nên doanh nghiệp vẫn chưa thực sự phát huy hết vai trò của máy tính trong công tác hạch toán kế toán.

3.2 Tính tất yếu phải hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Trong cơ chế thị trường hiện nay, với sự khuyến khích mở cửa của Nhà nước đã xuất hiện không ít những doanh nghiệp tham gia vào các lĩnh vực kinh doanh khác nhau. Để quản lý tốt cho hoạt động sản xuất kinh doanh nói chung cũng như doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng, có nhiều công cụ khác nhau trong đó kế toán là một công cụ hữu hiệu trong nền kinh tế thị trường đầy rủi ro và tính cạnh tranh cao, mang lại nhiều lợi nhuận và tiết kiệm chi phí nhất đến mức có thể.

Mặt khác, tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Đức Tài chưa thực sự hoàn thiện vẫn còn tồn tại nhiều thiếu sót khiến các hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp không phát huy được hiệu quả tối đa. Bởi vậy việc hoàn thiện công tác kế toán nói chung và kế toán doanh

thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp nói riêng là hết sức cần thiết.

Công tác kế toán doanh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh hiệu quả sẽ giúp cho doanh nghiệp quản lý chặt chẽ hơn hoạt động tiêu thụ hàng hóa và sử dụng các khoản chi phí, đồng thời giúp nhà quản lý nắm bắt được tình hình tài chính cũng như tình hình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp trong từng thời kỳ một cách chính xác, kịp thời. Từ đó giúp nhà quản lý xây dựng kế hoạch, chiến lược phát triển doanh nghiệp và quyết định đầu tư đúng đắn, đưa doanh nghiệp ngày càng phát triển bền vững.

3.3 Yêu cầu và phương hướng để hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Đức Tài.

Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Đức Tài phải đảm bảo được các yêu cầu sau:

- Cung cấp số liệu, thông tin về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh 1 cách trung thực, khách quan và dễ hiểu tạo điều kiện thuận lợi cho việc theo dõi cũng như công tác kiểm tra.
- Đảm bảo tiết kiệm và có hiệu quả thiết thực, khả thi.
- Đảm bảo nguyên tắc thống nhất về hệ thống chứng từ, tài khoản sổ sách kế toán và phương pháp hạch toán cũng như giữa cá chỉ tiêu mà kế toán phản ánh.
- Đảm bảo thực hiện đúng chế độ kế toán nhà nước ban hành.

Để hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu chi phí xác định kết quả kinh doanh, doanh nghiệp cần tìm các biện pháp để khắc phục những hạn chế, thiếu sót đồng thời phát huy những ưu điểm đã đạt được trong công tác hạch toán.

3.4 Nội dung và giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Đức Tài.

Một số kiến nghị để hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Đức Tài.

❖ Ý kiến thứ 1: Hoàn thiện hệ thống sổ sách.

- Thực hiện mở sổ chi tiết bán hàng.

Để tạo điều kiện thuận lợi cho việc theo dõi doanh thu, giá vốn cho từng mặt hàng nhằm giúp nhà quản lý doanh nghiệp đưa ra các quyết định kinh doanh đúng đắn như mở rộng kinh doanh mặt hàng nào, thu hẹp loại mặt hàng nào công ty nên mở sổ chi tiết bán hàng như biểu số 3.1.

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 3.1: Mẫu sổ chi tiết bán hàng

Đơn vị: Công ty TNHH Đức Tài

Mẫu số: S17 – DNN

Địa chỉ: 42 Lương Khánh Thiện- HP

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC Ngày
14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG

Tài khoản: 511

Tên hàng hóa: Đầu thu K+ gói HD 3T

Tháng 12 năm 2014

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Doanh thu			Các khoản tính trừ	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế	Khác (5212, 5213)
A	B	C	D	1	2	3	4		
			Cộng số phát sinh						
			Doanh thu thuần						
			Giá vốn hàng bán						
			Lãi gộp						

Ngày .. tháng .. năm ..

Người ghi sổ
(ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 3.2: Sổ chi tiết bán hàng

Đơn vị: Công ty TNHH Đức Tài

Mẫu số: S17 – DNN

Địa chỉ: 42 Lương Khánh Thiện- HP

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

TRÍCH SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG

Tài khoản: 511

Tên hàng hóa: Đầu thu K+ gói HD 3T

Tháng 12 năm 2014

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	doanh thu			Các khoản tính trừ	
	Số hiệu	Ngày, tháng			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế	Khác (5212, 5213)
A	B	C	D	1	2	3	4		
01.12	HĐ771	01.12	Xuất bán đầu thu K+ gói HD 3T	156	02	2.454.545	4.909.090		
01.12	HĐ772	01.12	Xuất bán đầu thu K+ gói HD 3T	156	30	2.031.818	60.954.540		
...
			Cộng số phát Sinh			311	651.998.500		
			Doanh thu thuần			311	651.998.500		
			Giá vốn hàng bán				631.895.398		
			Lãi gộp				20.103.102		

Ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Người ghi sổ

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

- Mở sổ chi phí sản xuất kinh doanh cho TK 632 như biểu 3.3 để tiện cho việc theo dõi giá vốn tương ứng của từng mặt hàng đã được mở ở sổ chi tiết bán hàng, làm căn cứ cho việc xác định lợi nhuận gộp của từng mặt hàng.

Biểu số 3.3: Mẫu sổ chi phí sản xuất kinh doanh

Đơn vị: Công ty TNHH Đức Tài

Mẫu số: S18 – DNN

Địa chỉ: 42 Lương Khánh Thiện- HP (Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH

Tài khoản: 632 – Giá vốn hàng bán

Tên hàng hóa:

Năm:

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Ghi nợ tài khoản		
	Số hiệu	Ngày, tháng			Số lượng	Đơn giá	Tổng số tiền
A	B	C	D	1	2	3	4
			- Số dư đầu kì				
			- Số phát sinh trong kì				
			- Cộng số phát sinh				
			- Ghi có TK				
			- Số dư cuối kì				

Ngày .. tháng .. năm ..

Người ghi sổ

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Biểu số 3.4: Sổ chi phí sản xuất kinh doanh

Đơn vị: Công ty TNHH Đức Tài

Mẫu số: S18 – DNN

Địa chỉ: 42 Lương Khánh Thiện- HP

(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ- BTC Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

TRÍCH SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH

Tài khoản: 632 – Giá vốn hàng bán

Tên hàng hóa: Đầu thu K+ gói HD 3T

Tháng 12 năm 2014

Ngày, tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Ghi nợ tài khoản 632		
	Số hiệu	Ngày, tháng			Số lượng	Đơn giá	Tổng số tiền
A	B	C	D	1	2	3	4
			- Số dư đầu kì				
01.12	PX01/12	01.12	Xuất bán đầu thu K+ gói HD 3T	156	02	2.031.818	4.063.636
01.12	PX02/12	01.12	Xuất bán đầu thu K+ gói HD 3T	156	30	2.031.818	60.954.540
...
			- Cộng số phát sinh		311		631.895.398
			- Ghi có TK 632	911			631.895.398
			- Số dư cuối kì				

Ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Người ghi sổ

(ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(ký, họ tên)

❖ *Ý kiến thứ 2: Áp dụng công nghệ thông tin trong công tác kế toán.*

Việc sử dụng phần mềm kế toán có nhiều ưu điểm như:

- Tiết kiệm thời gian, giảm bớt khối lượng ghi chép và tính toán.
- Tạo điều kiện cho việc thu thập, xử lý và cung cấp thông tin kế toán nhanh chóng, kịp thời về tình hình tài chính của Công ty.
- Tạo niềm tin vào các Báo cáo tài chính mà Công ty cung cấp cho các đối tượng bên ngoài.

Hiện tại Công ty TNHH Đức Tài đã có sự hỗ trợ của phần mềm Excel song đối với công tác kế toán vẫn chưa phải là phần mềm tối ưu nhất vậy công ty nên mua một số phần mềm kế toán hiệu quả đang có mặt trên thị trường: Misa, Omega, Gama, Emass....

- Phần mềm kế toán MISA SME.NET 2015

Thông tin phần mềm: MISA SME.NET 2015 là phần mềm kế toán dành cho các doanh nghiệp vừa và nhỏ, đáp ứng đầy đủ các nghiệp vụ kế toán. MISA SME.NET 2015 phù hợp triển khai cho doanh nghiệp thuộc mọi lĩnh vực: Thương mại; Dịch vụ; Xây lắp; Sản xuất.

Phần mềm tự động lập các báo cáo thuế có mã vạch và quản lý chặt chẽ hóa đơn tự in, đặt in, điện tử theo đúng quy định của Tổng cục Thuế. Kết nối với dịch vụ kê khai thuế qua mạng MTAX.VN để nộp báo cáo trực tiếp đến cơ quan Thuế.

Thông tin về giá:

Bảng 3.1: Bảng báo giá phần mềm kế toán MISA 2015

Gói Sản phẩm/ Dịch vụ	Đơn giá (VND)	Đơn vị tính	Mô tả chi tiết
Express	Miễn phí	Gói	Phần mềm Kế toán MISA SME.NET 2015 - đầy đủ 16 phân hệ. Số lượng chứng từ được nhập vào phần mềm tối đa là 150 chứng từ/năm
Starter	2.950.000	Gói	Phần mềm Kế toán MISA SME.NET 2015 - đầy đủ 16 phân hệ. Số lượng chứng từ được nhập vào phần mềm tối đa là 1.000 chứng từ/năm

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

Standard	6.950.000	Gói	Phần mềm Kế toán MISA SME.NET 2015 – 11 phân hệ. Không giới hạn số lượng chứng từ nhập vào phần mềm hàng tháng
Professional	8.950.000	Gói	Phần mềm Kế toán MISA SME.NET 2015 – 13 phân hệ. Không giới hạn số lượng chứng từ nhập vào phần mềm hàng tháng
Enterprise	10.950.000	Gói	Phần mềm Kế toán MISA SME.NET 2015 - đầy đủ 16 phân hệ. Không giới hạn số lượng chứng từ nhập vào phần mềm

Thông tin đơn vị cung cấp phần mềm: công ty cổ phần Misa (MISA.JSC)

Giao diện phần mềm:



Hình 3.1: Giao diện phần mềm kế toán MISA SME.NET 2015

- Phần mềm Kế toán Gama

Thông tin phần mềm: Các tính năng của phần mềm Kế toán chuyên nghiệp GAMA.SMB® bao gồm: tổ chức lưu trữ dữ liệu, cách thức xử lý số liệu và các chức năng khác được thiết kế hoàn chỉnh nhằm đáp ứng các nghiệp vụ

ghi nhận hạch toán kế toán của một doanh nghiệp như: Kế toán vốn bằng tiền, Quản lý công nợ, Mua hàng, Bán hàng, Quản lý hàng tồn kho, Kế toán tài sản cố định, Kế toán tổng hợp...

Thông tin về giá: Phần mềm kế toán GAMA với phiên bản 2012 hỗ trợ nhiều tính năng hơn rất phù hợp với các Doanh Nghiệp vừa và nhỏ có giá chuẩn: 5.000.000 đồng.

Thông tin đơn bị cung cấp: phần mềm được cung cấp bởi công ty **OMEGA**

Giao diện phần mềm:



Hình 3.2: Giao diện phần mềm kế toán GAMA

- Phần mềm Kế toán Fast accounting

Thông tin phần mềm: Fast Accounting là phần mềm kế toán dành cho các doanh nghiệp có quy mô vừa và nhỏ với 4 phiên bản đáp ứng cho các loại hình doanh nghiệp: dịch vụ, thương mại, xây lắp, sản xuất.

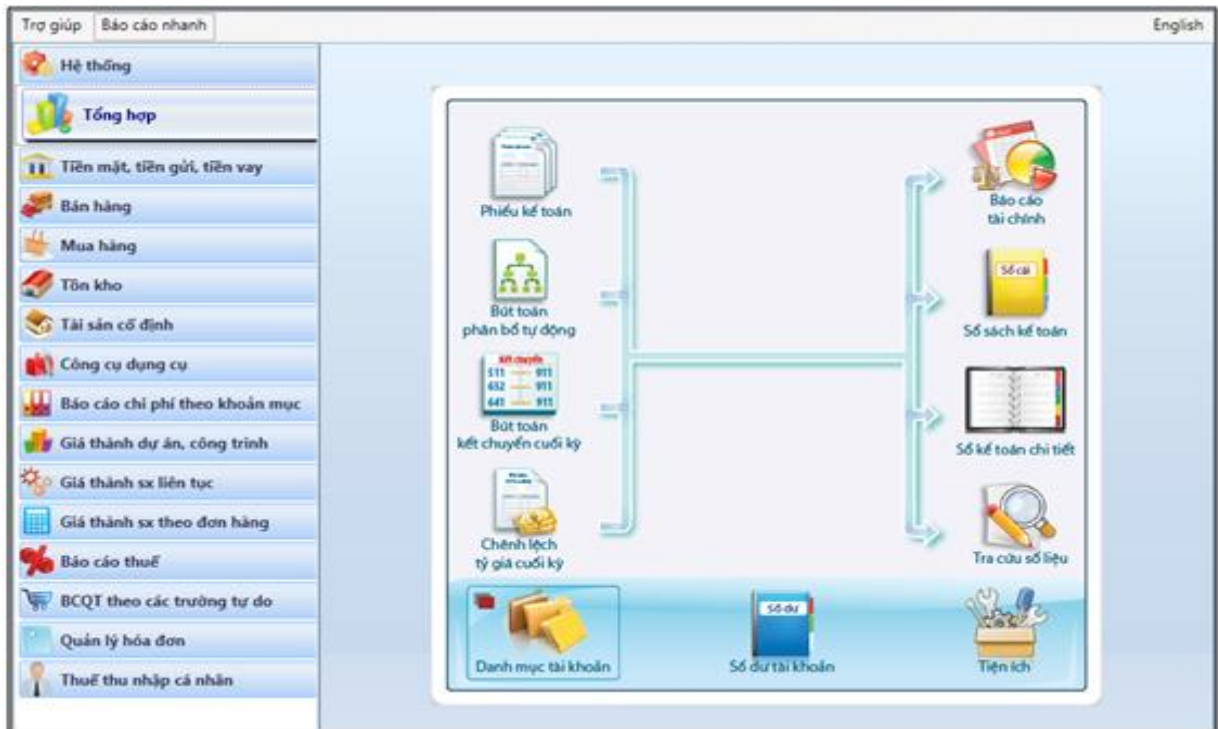
Thông tin về giá:

Bảng 3.2: Bảng báo giá phần mềm kế toán FAST ACCOUNTING 2015

Loại hình doanh nghiệp	Giá phần mềm (đồng)
Dịch vụ (12 phân hệ)	6.000.000
Thương mại (13 phân hệ)	8.000.000
Xây lắp (14 phân hệ)	10.000.000
Sản xuất (16 phân hệ)	12.000.000

Thông tin đơn bị cung cấp: Công ty cổ phần phần mềm quản lý doanh nghiệp FAST

Giao diện phần mềm:



Hình 3.3: Giao diện phần mềm kế toán FAST ACCOUNTING 2015

❖ Ý kiến thứ 3: Về chiết khấu thương mại:

- Trong thời buổi kinh tế thị trường hiện nay để thu hút, giữ chân và khuyến khích khách hàng tiêu dùng là điều không dễ dàng đối với các doanh nghiệp nói chung và công ty TNHH Đức Tài nói riêng. Để làm được điều này công ty nên có các chính sách ưu đãi đối với khách hàng, trong đó thì việc áp dụng chính sách chiết khấu thương mại trong giao dịch, mua bán hàng hóa là một điều quan trọng không thể thiếu. Công ty có thể áp dụng chính sách chiết khấu thương mại với số lượng cụ thể như sau:

Số lượng mua	Đầu thu (bộ)			Thẻ cào (chiếc)		
	20 - 30	30 - 50	>50	50 - 70	70 - 100	>100
Tỷ lệ chiết khấu/tổng giá bán	3%	4%	5%	2%	4%	5%

- *Phương pháp hạch toán:*

+ Phản ánh số chiết khấu thương mại thực tế phát sinh trong kỳ, ghi:

Nợ TK 521(1) - Chiết khấu thương mại

Nợ TK 3331 - Thuế GTGT được khấu trừ (33311) (Nếu có)

Có các TK 111, 112, 131, . . .

+ Cuối kỳ, kết chuyển số chiết khấu thương mại đã chấp thuận cho người mua phát sinh trong kỳ sang tài khoản doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, ghi:

Nợ TK 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Có TK 521(1) - Chiết khấu thương mại.

3.5 Điều kiện để thực hiện các giải pháp hoàn thiện tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Đức Tài.

3.5.1 Về phía nhà nước

- Xây dựng hệ thống pháp luật đầy đủ, rõ ràng. Ban hành các quyết định, thông tư trong chế độ kế toán mang tính bắt buộc cao, tính pháp quy chặt chẽ.

- Có chính sách hỗ trợ doanh để khuyến khích doanh nghiệp hoàn thiện và phát triển tổ chức kế toán.

3.5.2 Về phía doanh nghiệp

- Tổ chức công tác kế toán tài chính phải tuân thủ các quy định của pháp luật, phù hợp với đặc điểm sản xuất kinh doanh và quy mô của doanh nghiệp.

- Tổ chức công tác kế toán tài chính phải thực hiện tốt các chỉ tiêu kế toán tài chính, quản lý và sử dụng tiền vốn, thực hiện tiết kiệm chống lãng phí, có các biện pháp tích cực thu hồi công nợ, nắm bắt khả năng thanh toán của các đơn vị khách hàng nhằm ngăn ngừa tình trạng thất thoát tiền vốn để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

- Không ngừng cải tiến để bộ máy kế toán ngày càng hoàn thiện hơn.

- Doanh nghiệp cần tạo lập mối quan hệ bền vững với khách hàng. Đây là yếu tố quyết định việc bình ổn doanh thu trong doanh nghiệp.

KẾT LUẬN

Trong thời buổi kinh tế thị trường nhiều thành phần với sự cạnh tranh ngày càng khốc liệt như hiện nay thì việc tổ chức kế công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh đúng đắn, chính xác và kịp thời sẽ xác định được hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, giúp doanh nghiệp đứng vững trên thị trường. Từ đó các nhà quản lý doanh nghiệp có những biện pháp thúc đẩy quá trình tuần hoàn vốn và mở rộng sản xuất kinh doanh tăng thu nhập.

Qua thời gian thực tập tại Công ty TNHH Đức Tài em đã áp dụng cơ sở lý luận được học ở trường vào thực hiện công tác “Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh” và đã nắm bắt được một số tình hình, đặc điểm về công tác kế toán ở công ty. Có thể thấy rằng công tác hạch toán Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty phát huy được hiệu quả chủ yếu nhờ vào sự quản lý chặt chẽ các khoản doanh thu và chi phí phát sinh. Tuy nhiên, cũng không thể khẳng định rằng kết quả này có thể đảm bảo và duy trì trong tương lai. Vì vậy tích cực hoàn thiện công tác hạch toán Kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là điều hết sức quan trọng giúp doanh nghiệp có thể tồn tại và phát triển bền vững trong xu thế hội nhập hiện nay.

Về lý luận: Khóa luận đã hệ thống hóa lý luận chung về kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong các doanh nghiệp.

Về thực tiễn: Khóa luận phản ánh trung thực và khách quan thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Đức Tài.

Đồng thời đã đề xuất một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Đức Tài.

Em mong rằng sẽ góp được một phần nhỏ để khắc phục những yếu tố tác động đến công tác kế toán tại Công ty, giúp công ty ngày càng phát triển.

Với sự cố gắng của bản thân, cộng với sự giúp đỡ hướng dẫn của thầy, cô giáo và sự giúp đỡ của ban lãnh đạo, các phòng ban trong Công ty TNHH Đức Tài em đã hoàn thành đề tài này. Tuy vậy, do hạn chế hiểu về biết lý luận và cũng như kinh nghiệm thực tiễn nên trong quá trình nghiên cứu và trình bày bài viết này không tránh khỏi hạn chế và sai sót. Vì vậy, em rất mong có được sự đóng góp và giúp đỡ của các thầy cô cùng cán bộ phòng kế toán công ty TNHH Đức Tài để khóa luận tốt nghiệp của em được hoàn chỉnh hơn.

Em xin chân thành cảm ơn sự giúp đỡ tận tình của giáo viên hướng dẫn thầy giáo, thạc sĩ Nguyễn Đức Kiên và các cô chú trong công ty TNHH Đức Tài đã tận tình giúp đỡ em hoàn thành đề tài này.

Em xin chân thành cảm ơn!

Sinh viên

Bùi Thanh Hằng

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ tài chính (Năm 2014), Chế độ kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa – Nhà xuất bản lao động xã hội.
2. Bộ tài chính (Năm 2011), Hệ thống kế toán Việt Nam – Nhà xuất bản tài chính.
3. TS. Phan Đức Dũng (Năm 2006), Kế toán tài chính – Nhà xuất bản thống kê.
4. TS. Phan Đức Dũng (Năm 2011), Nguyên lý kế toán - Nhà xuất bản lao động xã hội.
5. GS.TS Đặng Thị Loan (Năm 2009). Giáo trình Kế toán tài chính trong các doanh nghiệp – Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc Dân.